

MẪU SỐ 6A

HỒ SƠ MỜI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN QUA MẠNG

Gói 35/SCL2026/PTC3: Tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục xử lý khoảng cách pha đất đường dây 220kV của Đội Truyền tải điện Gia Lai quản lý vận hành

(Ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC
ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

IB2500607152

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Gói 35/SCL2026/PTC3: Tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục xử lý khoảng cách pha đất đường dây 220kV của Đội Truyền tải điện Gia Lai quản lý vận hành

Dự án/dự toán mua sắm (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Sửa chữa lớn năm 2026.

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Ngày.... tháng... năm 2025.

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Chủ đầu tư, tổ chuyên gia nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính được trích xuất theo phương pháp đánh giá do chủ đầu tư, tổ chuyên gia lựa chọn trong quá trình lập E-HSMT.

Căn cứ vào các thông tin do chủ đầu tư, tổ chuyên gia nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mời thầu, biểu mẫu dự thầu mà chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Trong chương này một số mẫu được số hóa dưới dạng webform và một số

Mẫu là tệp tin PDF/Word. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia và nhà thầu cần nhập các thông tin vào các mẫu để lập E-HSMT, E-HSDT của mình.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm, nhân sự của nhà thầu và các yêu cầu cần thiết khác (nếu có); trách nhiệm của chủ đầu tư. Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word được đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này bao gồm điều khoản chung, áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được điều kiện chung của hợp đồng.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia nhập các nội dung thông tin vào điều kiện cụ thể của hợp đồng trên Hệ thống.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị theo mẫu.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn</p>

việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSMT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung E-HSMT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSMT của Chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSMT;

	<p>báo cáo của Chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p>

	<p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d Mục 5.1 E-CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Điều khoản tham chiếu. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu</p>

	<p>03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa chủ đầu tư và nhà thầu phải được chủ đầu tư ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSMT của nhà thầu.</p> <p>7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSMT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.7. Đối với các gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ, thời gian sửa đổi E-HSMT thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSMT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư</p>

	không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT bao gồm E-HSĐXKT và E-HSĐXTC: 10.1. E-HSĐXKT bao gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu trong E-HSĐXKT được Hệ thống tự trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; 10.2. E-HSĐXTC bao gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu trong E-HSĐXTC được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 E-CDNT và Mục 12 E-CDNT. 10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL .
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.
12. Giá dự thầu và giảm giá	12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 15 Chương IV vào đơn dự thầu. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí. 12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại E-BDL .
13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

<p>14. Đề xuất kỹ thuật</p>	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại E-BDL.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p>15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</p>	<p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>16. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p>	<p>17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường</p>

	<p>hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu bị đánh giá là không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới để phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>18. Mở E-HSDXKT</p>	<p>18.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở E-HSDXKT và công khai biên bản mở E-HSDXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSDXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).

19. Đánh giá E-HSDXKT

19.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDXKT.

19.2. Quy trình đánh giá E- HSDXKT như sau:

a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:

- Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung:

+ Tư cách hợp lệ của nhà thầu;

+ Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.

- Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu.

- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).

- Đối với nội dung về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của nhà thầu, Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT và nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT.

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSDT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc.

- Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm..

- Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo

	<p>thông tin nhân sự kê khai trên webform. Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin kê khai trên webform so với tài liệu đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp không xác định được nhân sự đã kê khai trên webform hoặc nhân sự không tồn tại trên thực tế. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSDT chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật.- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSDXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 E-CDNT và Mục 21 E-CDNT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSDXTC theo quy định tại Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. - Nhà thầu có E-HSDXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSDXTC để đánh giá. - Chủ đầu tư đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống. <p>19.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSDXKT:</p> <p>Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm: tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận.</p>
<p>20. Mở E-HSDXTC</p>	<p>20.1. E-HSDXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) sẽ được chủ đầu tư tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p> <p>20.2. Biên bản mở E-HSDXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên chủ đầu tư;

	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở E-HSDXTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (<i>Hệ thống tự động tính toán giá dự thầu sau giảm giá</i>); - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>21. Đánh giá E-HSDXTC và xếp hạng nhà thầu</p>	<p>21.1. Đánh giá E-HSDXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Sau khi đánh giá về giá, tổ chuyên gia lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>21.3. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Mục 24.2 E-CDNT.</p>
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian</p>

	từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
23. Làm rõ E-HSDT	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, bảo hành, bảo trì mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> <p>23.5. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p>

<p>24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian</p>	<p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.</p>
<p>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá</p>

	<p>(nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;</p> <p>h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>25.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25.1 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p>26. Nhà thầu phụ</p>	<p>26.1. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>26.2. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>26.3. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định E-HSMQT, E-HSMT; đánh giá E-HSQT, E-HSDT; thẩm định kết quả mời quan tâm (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu</p>
<p>27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng</p>	<p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm, nhân sự cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư¹ tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p> <p>27.2. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, chủ đầu tư chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p> <p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê</p>

¹ Trường hợp trong hợp đồng ký giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn có nội dung thuê đơn vị tư vấn thực hiện đối chiếu tài liệu thì tổ chuyên gia do đơn vị tư vấn thành lập còn phải thực hiện trách nhiệm đối chiếu tài liệu.

khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

27.3. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.

Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực (bao gồm cả số liệu về thuế do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử) dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.

27.4. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá E-HSĐT;

- b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;
- c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).

27.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả dịch vụ” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;
- b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;
- c) Tiến độ;
- d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);
- đ) Bố trí điều kiện làm việc;
- e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;
- g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;
- h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

27.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng.

27.7. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo;

	<p>trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.</p> <p>27.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư, chủ đầu tư có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p> <p>27.9. Chủ đầu tư gửi thông báo thương thảo, đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong thông báo mời thương thảo, đối chiếu tài liệu phải ghi rõ địa điểm, thời gian thương thảo, đối chiếu tài liệu phù hợp để bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến thương thảo, đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của chủ đầu tư.</p>
<p>28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>29. Hủy thầu</p>	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đấu thầu.</p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c và d Mục 29.1 E-CDNT</p>

	phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật; - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
31. Tùy chọn mua thêm	Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

	<p>Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>32. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 17 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>33. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng</p>	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>33.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Dự thảo hợp đồng; b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu (nếu có); c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; d) Biên bản thương thảo hợp đồng; đ) Các nội dung nêu trong E-HSDT và văn bản giải thích làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>33.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại E-BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được chủ đầu tư yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.</p> <p>33.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì chủ đầu tư đăng tải</p>

	<p>thông tin nhà thầu vi phạm lên Hệ thống để các chủ đầu tư có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>33.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>
<p>34. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>34.1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu</p> <p>a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>b) Trường hợp kiến nghị lên chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p> <p>34.2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, việc giải quyết kiến nghị thực hiện Theo quy định tại E-BDL.</p>

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư là: Công ty Truyền tải điện 3.
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: Gói 35/SCL2026/PTC3: Tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục xử lý khoảng cách pha đất đường dây 220kV của Đội Truyền tải điện Gia Lai quản lý vận hành.</p> <p>Tên dự án là: Sửa chữa lớn năm 2026.</p>
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Sửa chữa lớn năm 2026.
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư là: Công ty Truyền tải điện 3, Địa chỉ số 12 Trần Hưng Đạo, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. ĐT: 0258 3521188; Fax: 0258 3521836. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tư vấn lập E-HSMT: Không có. + Tư vấn thẩm định E-HSMT: Không có. + Tư vấn đánh giá E-HSDT: Không có. + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Không có. + Tư vấn kiểm định, giám sát thực hiện hợp đồng: Không có. + Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: Không có. + Tư vấn khác: Không có. <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹.</p> <p>Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, Bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà</p>

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	<p>nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.</p> <p>- Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu tư vấn là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thì được tham dự thầu của nhau theo quy định của pháp luật¹: _____ [Hệ thống tư trích xuất].</p> <p>- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Là số thành viên tham gia trong liên danh.</p>
E-CDNT 7.3	Hội nghị tiền đấu thầu: Không áp dụng.
E-CDNT 7.7	Thời gian sửa đổi E-HSMT đối với gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ: 03 ngày.
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: 330.000 VND.

¹ Trường hợp Luật Đấu thầu chưa được sửa đổi, Hệ thống trích xuất “(i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. (ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên”. Trường hợp Luật Đấu thầu được sửa đổi, bổ sung thì Hệ thống trích xuất theo quy định của Luật Đấu thầu sửa đổi, bổ sung.

E-CDNT 10.3	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <p>a. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ theo yêu cầu tại Mục 1 Chương III, bao gồm nhưng không giới hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập - Cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu: <ul style="list-style-type: none"> + Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc + Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế. <p>b. Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm nhà thầu, nhân sự chủ chốt theo Mục 2 Chương III.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng tương tự có xác nhận hoàn thành của chủ đầu tư; - Nhân sự chủ chốt: Bản sao HĐLĐ hoặc Thỏa thuận hợp tác hoặc tài liệu tương đương chứng minh khả năng huy động nhân sự; Bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề phù hợp với yêu cầu, vị trí công việc bố trí trong gói thầu; Tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự theo yêu cầu E-HSMT (Sản phẩm tư vấn có chữ ký hoặc tài liệu có xác nhận của chủ đầu tư,...) <p>c. Hồ sơ đề xuất giải pháp kỹ thuật, phương pháp luận đáp ứng yêu cầu tại Mục 3 Chương III và Chương V.</p>
E-CDNT 12.2	Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu.
E-CDNT 14.3	Đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt: Không áp dụng.
E-CDNT 15.1	Thời gian có hiệu lực của E-HSDT: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 19.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về kỹ thuật: Chấm điểm. - Đánh giá về giá: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá.
E-CDNT 21.2	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất.
E-CDNT 26.3	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 10% giá dự thầu của nhà thầu.

E-CDNT 28.4	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện gói thầu ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng).
E-CDNT 31	- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.
E-CDNT 33.2	Các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.
E-CDNT 34.1 (b)	<p>- Người có thẩm quyền: Giám đốc Công ty Truyền tải điện 3.</p> <p>+ Địa chỉ: Số 12, đường Trần Hưng Đạo, Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>+ Điện thoại: 02583.521188; Fax: 02583.521836.</p> <p>+ E-mail: dtxd.ptc3@npt.com.vn</p>
E-CDNT 34.2	<p>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau: Theo Điều 138. Quy trình giải quyết kiến nghị tại Nghị định 124/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025. Thông tin liên hệ đơn vị giải quyết kiến nghị: Công ty Truyền tải điện 3: Địa chỉ: Số 12 Trần Hưng Đạo, P.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; ĐT: 0258 3521188; Fax: 0258 3521836 - Email: dtxd.ptc3@npt.com.vn;</p>

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (*Vi dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022*);

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

6. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có).

Nhà thầu phải có đủ năng lực thực hiện các nội dung yêu cầu của gói thầu, các ngành nghề yêu cầu cần Chứng chỉ năng lực hoặc giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh trong các lĩnh vực thuộc phạm vi công việc của gói thầu theo quy định hiện hành của Chính phủ.

Trong trường hợp nhà thầu không đủ năng lực, có thể thuê nhà thầu phụ có đủ năng lực để thực hiện các công việc trên. Nhà thầu phải kê danh sách các nhà thầu phụ trong đó nêu rõ phạm vi công việc và giá trị tương đương với phạm vi công việc do nhà thầu phụ đó đảm nhận trong gói thầu, kèm theo thỏa thuận giữa nhà thầu và nhà thầu phụ về phạm vi công việc mà nhà thầu phụ thực hiện trong gói thầu. Để chứng minh tư cách hợp lệ của mình: Nhà thầu phụ phải cung cấp Chứng chỉ năng lực hoặc giấy phép hành nghề phù hợp công việc đảm nhận trong gói thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết (nếu cần thiết) của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào phạm vi công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 0 đến 15% tổng số điểm)	10		
1.1	a) Đã thực hiện gói thầu có tính chất tương tự trong 05 năm gần đây (tính đến thời điểm đóng thầu). Hợp đồng tương tự: - Hợp đồng đã hoàn thành có giấy xác nhận của Đại diện Chủ đầu tư hoặc Chủ đầu tư: Cung cấp dịch vụ tư vấn tư vấn thiết kế lập Dự án đầu tư/BCNCKT hoặc/và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (TKKT/TKBVTC) – Dự toán XDCT cho công trình đường dây.	8	- (i): ≥ 02 hợp đồng tư vấn công trình có cấp điện áp từ 220kV hoặc (ii): 01 hợp đồng tư vấn công trình cấp điện áp từ 220kV trở lên và 2 hợp đồng tư vấn công trình cấp điện áp 110kV: 8 điểm (100% số điểm); - (i) 01 hợp đồng tư vấn công trình cấp điện áp từ 220kV trở lên hoặc (ii) 2 hợp đồng tư vấn công trình cấp điện áp 110kV: 5,6 điểm (70% số điểm); - Có 0 hợp đồng (0%): 0 điểm	
1.2	b) Năng lực nhà thầu ⁽²⁾ : Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế lập BCNCKT/Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở cho các công trình lưới điện có cấp điện áp từ 110kV trở lên.	2	Kinh nghiệm ≥ 10 năm (đạt 100% số điểm): 2 điểm; Kinh nghiệm 5 năm đến < 10 năm (đạt 70% số điểm): 1,4 điểm; Kinh nghiệm < 05 năm (đạt 0 điểm): 0 điểm.	
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (5% tổng số điểm)	5,00		
2.1	Uy tín của nhà thầu thông qua: Việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 19 và 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 (NĐ 214)	5,00	- Nhà thầu không có thông tin công bố vi phạm uy tín trong việc tham dự thầu, thực hiện hợp đồng như quy định Điều 19 và 20 của NĐ214: 5 điểm; - Nhà thầu có tên trong danh sách vi phạm uy tín trong việc	

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
			tham dự thầu như quy định Điều 19 và 20 của NĐ214: Trừ 2 điểm/trường hợp. - Nhà thầu có thông tin vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng như quy định Điều 19 và 20 của NĐ 214: Trừ 2 điểm/1 hợp đồng bị vi phạm.	
3	Giải pháp và phương pháp luận (Từ 30 đến 40% tổng số điểm)	30,00		18,00
3.1	a) Hiểu rõ mục đích gói thầu			
3.1.1	Am hiểu chung về phạm vi, qui mô của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu	2	Mô tả đầy đủ: 2 điểm; Không rõ ràng, chưa am hiểu kỹ dự án: 1,2 điểm; Không thể hiện: 0 điểm	
3.1.2	Đề xuất kỹ thuật có các nội dung mô tả về vị trí các tuyến đường dây nối vào trạm, vị trí các ngăn xuất tuyến, giao chéo và đặc điểm của các dự án hợp phần.	1,5	Mô tả chi tiết: 1,5 điểm; Mô tả sơ sài, không đầy đủ các hạng mục hợp phần dự án: 0,9 điểm; Không có mô tả: 0 điểm	
3.1.3	Khảo sát hiện trường Dự án	1,5	Có mô tả và đính kèm các tài liệu, bản vẽ đầy đủ: 1,5 điểm; Có mô tả nhưng sơ sài, bản vẽ chưa thể hiện đầy đủ: 1 điểm; Không có khảo sát hiện trường: 0 điểm.	
3.2	b) Cách tiếp cận và phương pháp luận	6		
3.2.1	Đề xuất kỹ thuật bao gồm tất cả các hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; đồng thời có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dự án.	3	Trình bày theo đúng các yêu cầu nêu trên: 3 điểm; Có trình bày nhưng chưa đầy đủ các hạng mục và đã được bổ sung đủ trong quá trình làm rõ: 1 điểm; Không trình bày hoặc thiếu sau khi làm rõ: 0 điểm.	

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.2.2	Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ	1,5	Nêu các vấn đề liên quan đầy đủ và sát với thực tế dự án: 1,5 điểm; Chưa sát với thực tế dự án, các nhiệm vụ được phân chia chưa thật sự hợp lý: 1 điểm; Phương pháp luận không phù hợp với nhiệm vụ: 0 điểm.	
3.2.3	Đề xuất trình bày rõ ràng làm thế nào để thực hiện tốt được công việc của dự án	1,5	Trình bày rõ ràng, đầy đủ: 1,5 điểm; Trình bày sơ sài, không đầy đủ: 1 điểm; Không trình bày: 0 điểm.	
3.3	c) Sáng kiến cải tiến	1		
3.3.1	Đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án	0,5	Trong HSDX có những đề xuất cải tiến sáng kiến kỹ thuật dự kiến trong quá trình thiết kế công trình sau này để tăng hiệu quả đầu tư: 0,5 điểm; Không có đề xuất: 0 điểm.	
3.3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận của nhà thầu tư vấn chuyên nghiệp và tiên tiến	0,5	Trình bày HSDX một cách khoa học với các mô tả có tính logic, sử dụng các phần mềm chuyên dụng: 0,5 điểm; Phương pháp luận và cách tiếp cận không logic, khó hiểu, ít hoặc không sử dụng các phần mềm chuyên dụng: 0 điểm.	
3.4	d) Cách trình bày	1		
3.4.1	Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi	1,00	Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi: 1 điểm; Có trình bày nhưng chưa hoàn toàn hợp lý: 0,5 điểm; Không hợp lý: 0 điểm.	
3.4.2	Đề xuất hoàn chỉnh và thuyết phục	1,00	Mô tả dự án và nêu các vấn đề liên quan đến thực hiện dự án đầy đủ: 1 điểm;	

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
			Có trình bày nhưng chưa hoàn toàn hợp lý: 0,5 điểm; Mô tả sơ sài: 0 điểm.	
3.5	e) Kế hoạch triển khai	10		
3.5 .1	Kế hoạch công việc bao gồm tất cả các nhiệm vụ để thực hiện dự án: + Khảo sát phục vụ lập phương án kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán + Lập lập phương án kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán + Thỏa thuận chuyên ngành (nếu có) + Các nội dung khác (nếu cần) Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng.	5	Mô tả đầy đủ, rõ ràng, chi tiết: 5 điểm; Mô tả không đầy đủ, chưa chi tiết: 3 điểm; Thiếu một mục (+) hoặc không mô tả: 0 điểm.	
3.5 .2	Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến	2,5	Hoàn toàn phù hợp: 2,5 điểm; Tương đối phù hợp: 1,5 điểm; Không phù hợp: 0 điểm.	
3.5 .3	Các bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo	2,5	Cung cấp đầy đủ: 2,5 điểm; Có cung cấp nhưng không đầy đủ: 1,5 điểm; Không cung cấp : 0 điểm	
3.6	f) Bố trí nhân sự hợp lý	6		
3.6 .1	Nhân sự được bố trí theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu	3	Hoàn toàn phù hợp: 3 điểm; Nhân sự được bố trí tương đối phù hợp, vẫn đảm bảo về các vị trí chủ chốt và có số lượng phù hợp: 2 điểm; Không phù hợp: 0 điểm.	

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.6 .2	Thời điểm và thời gian huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai	3	Hoàn toàn phù hợp: 3 điểm; Tương đối phù hợp: 2 điểm; Không phù hợp: 0 điểm.	
4	Nhân sự chủ chốt (Từ 50 đến 60% tổng số điểm)	55		45
	Vị trí	Số lượng		
4.1	Chủ nhiệm thiết kế (có thể kiêm nhiệm nhưng không được đảm nhiệm hơn 2 vị trí/nhân sự)	1	15	9
4.1 .1	Bằng cấp, chứng chỉ: - Bằng tốt nghiệp đại học Kỹ sư điện hoặc tương đương. - Phải có chứng chỉ hành nghề Tư vấn thiết kế công trình đường dây điện - Hạng I	2,00	Bằng tiến sỹ, thạc sỹ hoặc các bằng cấp tương đương khác và có chứng chỉ hành nghề đáp ứng: 2 điểm; Bằng Kỹ sư và có chứng chỉ hành nghề đáp ứng: 1,8 điểm; Không có chứng chỉ đáp ứng: 0 điểm.	1,8
4.1 .2	Kinh nghiệm làm công tác thiết kế Dự án đầu tư/BCNCKT hoặc/và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (TKKT/TKBVT) hoặc thiết kế phương án kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công trong lĩnh vực thiết kế đường dây truyền tải	8,00	- Chủ nhiệm lập dự án/Chủ nhiệm thiết kế của 02 dự án/gói thầu có cấp điện áp 220kV trở lên (đạt 100% số điểm); - Chủ nhiệm lập dự án/Chủ nhiệm thiết kế của 01 dự án/gói thầu có cấp điện áp 220kV hoặc 02 dự án 110kV (đạt 70% số điểm); - Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên (0 điểm)	

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.1.3	Kinh nghiệm đảm nhận vị trí tư vấn trưởng trong các dự án, gói thầu tương tự, có cùng cấp điện áp với dự án mời thầu trở lên.	1,00	Bằng cử nhân Anh văn hoặc tương đương: 1 điểm; Trình độ Bậc 3 VSTEP (B1 CEFR) hoặc tương đương: 0,8 điểm; Trình độ Bậc 2 VSTEP (A2 CEFR) hoặc tương đương: 0,5 điểm; Không có chứng chỉ đáp ứng một trong các yêu cầu trên: 0 điểm	
4.2	Chủ nhiệm khảo sát	1	8	5
4.2.1	Bằng cấp, chứng chỉ: - Bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp vị trí công việc. - Phải có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng Hạng I còn hiệu lực.	2,00	Bằng tiến sỹ, thạc sỹ hoặc các bằng cấp tương đương khác và có chứng chỉ hành nghề đáp ứng: 2 điểm; Bằng Kỹ sư và có chứng chỉ hành nghề đáp ứng: 1,4 điểm; Không có chứng chỉ đáp ứng: 0 điểm.	
4.2.2	Kinh nghiệm làm công tác khảo sát các công trình/hạng mục công trình có liên quan	2,00	Kinh nghiệm > 10 năm: 2 điểm; Kinh nghiệm 5 năm đến 10 năm: 1,4 điểm; Kinh nghiệm < 05 năm: 0 điểm.	
4.2.3	Kinh nghiệm đảm nhận vị trí Chủ nhiệm nhiệm vụ khảo sát/Tổ trưởng nhóm khảo sát công trình trong các dự án/gói thầu truyền tải	4,00	- 02 dự án/gói thầu: 4,0 điểm; - 01 dự án/gói thầu: 2,8 điểm; - Không có dự án/gói thầu: 0 điểm.	
4.3	Chủ trì thiết kế phần điện (có thể kiêm nhiệm nhưng không được đảm nhiệm hơn 2 vị trí/nhân sự)	1	12	8
4.3.1	Bằng cấp, chứng chỉ: - Bằng tốt nghiệp đại học Kỹ sư điện hoặc chuyên ngành	2,00	Bằng tiến sỹ, thạc sỹ hoặc các bằng cấp tương đương khác và có chứng chỉ hành nghề đáp ứng: 2 điểm;	1,80

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>tương đương.</p> <p>- Phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ – điện công trình - Hạng I trở lên</p>		<p>Bằng Kỹ sư và có chứng chỉ hành nghề đáp ứng: 1,8 điểm;</p> <p>Không có chứng chỉ đáp ứng: 0 điểm.</p>	
4.3.2	Kinh nghiệm làm công tác thiết kế phần điện các dự án truyền tải điện	3,00	<p>Kinh nghiệm > 7 năm: 3 điểm;</p> <p>Kinh nghiệm 3 năm đến 7 năm: 2,1 điểm;</p> <p>Kinh nghiệm < 03 năm: 0 điểm.</p>	
4.3.3	Kinh nghiệm đảm nhận vị trí Chủ trì thiết kế phần điện trong các dự án/gói thầu tương tự, có cùng cấp điện áp với công trình/hạng mục mời thầu trở lên.	6,00	<p>- 01 dự án/gói thầu: 6,0 điểm;</p> <p>- 02 dự án/gói thầu có cấp điện áp 110kV: 4,2 điểm;</p> <p>- Không có dự án: 0 điểm.</p>	
4.3.4	Chứng chỉ trình độ tiếng Anh (Áp dụng quy đổi theo khung năng lực 6 bậc VSTEP hoặc CEFR)	1,00	<p>Bằng cử nhân Anh văn hoặc tương đương: 1 điểm;</p> <p>Trình độ Bậc 3 VSTEP (B1 CEFR) hoặc tương đương: 0,8 điểm;</p> <p>Trình độ Bậc 2 VSTEP (A2 CEFR) hoặc tương đương: 0,6 điểm;</p> <p>Không có chứng chỉ đáp ứng một trong các yêu cầu trên: 0 điểm</p>	
4.4	Chủ trì thiết kế phần xây dựng (có thể kiêm nhiệm nhưng không được đảm nhiệm hơn 2 vị trí/nhân sự)	1	8,00	5,00
4.4.1	<p>Bằng cấp, chứng chỉ:</p> <p>- Bằng tốt nghiệp đại học Kỹ sư điện hoặc chuyên ngành tương đương.</p> <p>- Phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình - Hạng I trở lên</p>	1,00	<p>Bằng tiến sỹ, thạc sỹ hoặc các bằng cấp tương đương khác và có chứng chỉ hành nghề đáp ứng: 1 điểm;</p> <p>Bằng Kỹ sư và có chứng chỉ hành nghề đáp ứng: 0,9 điểm;</p> <p>Không có chứng chỉ đáp ứng: 0 điểm.</p>	0,90

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.4.2	Kinh nghiệm làm công tác thiết kế phần xây dựng các dự án truyền tải điện	3,00	Kinh nghiệm > 7 năm: 3 điểm; Kinh nghiệm 3 năm đến 7 năm: 2,1 điểm; Kinh nghiệm < 03 năm: 0 điểm.	
4.4.3	Kinh nghiệm đảm nhận vị trí Chủ trì thiết kế phần xây dựng trong các dự án tương tự, có cùng cấp điện áp với dự án mời thầu trở lên	4,00	- 01 dự án/gói thầu cấp điện áp 220kV trở lên: 4,0 điểm; - 02 dự án/gói thầu có cấp điện áp 110kV: 2,8 điểm; - Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên: 0 điểm.	
4.5	Chủ trì lập dự toán/TMĐT:	1	13	9
4.5.1	Bảng cấp	4	- Kỹ sư hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm): 4 điểm	
4.5.2	Kinh nghiệm làm công tác lập Tổng mức đầu tư/dự toán trong các dự án truyền tải điện tương tự.	4	- Kinh nghiệm > 05 năm (đạt 100% số điểm): 4 điểm. - Kinh nghiệm từ 03 năm đến < 05 năm (đạt 50% số điểm): 2,0 điểm. - Kinh nghiệm < 03 năm (đạt 0 điểm): 0 điểm.	
4.5.3	Kinh nghiệm đảm nhận vị trí Chủ trì lập Tổng mức đầu tư/dự toán trong các dự án/gói thầu truyền tải điện tương tự.	5	- ≥ 02 dự án/gói thầu (đạt 100% số điểm): 5 điểm. - 01 dự án/gói thầu (đạt 60% số điểm): 3,0 điểm. - 0 dự án (đạt 0% số điểm): 0 điểm.	
4.6	Tư vấn viên khác	4	4	
4.6.1	Kỹ sư điện tham gia thiết kế yêu cầu có chứng chỉ hành nghề và có thời gian công tác từ 03 năm trở lên	1	Đáp ứng về mặt số lượng: 100% số điểm Ít hơn: 0 điểm	
4.6.2	Kỹ sư xây dựng tham gia thiết kế yêu cầu có chứng chỉ hành nghề và có thời gian công tác từ 03 năm trở lên	1	Đáp ứng về mặt số lượng: 100% số điểm Ít hơn: 0 điểm	
4.6.3	Cử nhân/Kỹ sư tham gia lập dự toán, phải có chứng chỉ hành nghề và có thời gian công tác từ 03 năm trở lên	1	Đáp ứng về mặt số lượng: 100% số điểm Ít hơn: 0 điểm	

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.6 .4	Kỹ sư/Cử nhân tham gia khảo sát (Địa hình/địa chất công trình) có chứng chỉ hành nghề phù hợp, có thời gian công tác từ 03 năm trở lên	1	Đáp ứng về mặt số lượng: 100% số điểm Ít hơn: 0 điểm	
5	Yêu cầu về chuyên giao công nghệ (nếu có) (Từ 0% đến 10% tổng số điểm)	0		
5.1	Yêu cầu về chuyên giao công nghệ	0	Không áp dụng	
	Tổng cộng (100%)	100		70

Ghi chú:

(1) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

(3) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đối với nhà thầu là tư vấn lập hồ sơ mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu còn thể hiện qua số lượng hồ sơ mời thầu bị kết luận có nội dung vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

(4) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong E-HSMT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

Trường hợp E-HSMT có quy định về số năm kinh nghiệm trong các công việc tương tự thì số năm kinh nghiệm này được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- *Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, yêu cầu về chuyển giao công nghệ (nếu có) là 100%.*

- *Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 4 của Bảng số 01 mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.*

- *Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó (không thấp hơn 70% đối với gói thầu tư vấn*

có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật (80% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù)*. E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

- *Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật:*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 70% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó*. E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật*. E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp.

3.1 Đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá¹

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ $G_{\text{đang xét}}$: Điểm giá của E-HSDXTC đang xét;

+ $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự

thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

¹ Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp dựa trên kỹ thuật thì bỏ khoản này.

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSDXTC đang xét;

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

Điểm tổng hợp_{đang xét} = K x Điểm kỹ thuật_{đang xét} + G x Điểm giá_{đang xét}

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70%;

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 30%;

+ K + G = 100%;

- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Hạng mục công việc của gói thầu	Webform	X	
E-HSDXKT				
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXKT			X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
4	Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu tư vấn			X
5	Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu			X
6	Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn (DVTV)			X
7	Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn			X
8	Mẫu số 08: Tiến độ thực hiện công việc	Webform		X
9	Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV			X
10	Mẫu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
E-HSDXTC				
11	Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC			X
12	Mẫu số 12. Bảng thù lao cho chuyên gia			X

13	Mẫu số 12A. Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia			X
14	Mẫu số 13. Chi phí khác cho chuyên gia			X
15	Mẫu số 14. Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng			X
16	Mẫu số 15. Bảng tổng hợp chi phí			X

Mẫu số 01 (Webform trên Hệ thống)**HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU****1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói**

Mẫu số 01A

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đo vẽ, khảo sát, lập phương án kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục: Xử lý khoảng cách pha đất tại khoảng cột 180-181,188-189, Đường dây 220kV Quy Nhơn - Pleiku (mạch đơn)	Trọn gói	1,0000
2	Đo vẽ, khảo sát, lập phương án kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục Xử lý khoảng cách pha đất tại khoảng cột 55/02-55/03, Nhánh rẽ đường dây 220kV Pleiku - KrôngBuk dự án TBA 500kV Pleiku 2 vào đường dây 220kV Pleiku - Krôngbuk (mạch kép)	Trọn gói	1,0000

2. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá

Mẫu số 01B

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
	<i>Không áp dụng</i>		

Ghi chú:

- Mẫu số 01A áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói;
- Mẫu số 01B áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá;
- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc khác nhau thì có thể áp dụng đồng thời các Mẫu số 01A, 01B, 01C tương ứng cho từng hạng mục công việc.

Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)**ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾****(thuộc E-HSDXKT)**Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSDXKT: ___ [*Hệ thống tự trích xuất từ E-TBMT*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾.

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)**THỎA THUẬN LIÊN DANH**Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽¹⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽¹⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ E-HSMT gói thầu: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- *Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*
- *Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;*
- *Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].*

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- *Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.*

[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- *Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

- *Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

- *Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>)	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo thông báo của chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

- (1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ [*Ghi số năm*]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

Thời gian	Tên công việc <i>[mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]</i>	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng <i>[trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện]</i>	Vai trò trong công việc <i>[ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu <i>[ghi rõ từ ngày... đến ngày...]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế <i>[từ ngày... đến ngày...]</i> Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỀ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận*
- 2. Kế hoạch công tác*
- 3. Tổ chức và nhân sự*

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

Mẫu số 07 (Scan đính kèm)

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	<i>[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]</i>
Tên chuyên gia tư vấn:	<i>[điền tên đầy đủ]</i>
Ngày sinh:	<i>[ngày/tháng/năm]</i>
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống]							
		1	2	3	4	5	n	Tổng
1	[Ví dụ: Hạng mục công việc 1:								
	1) Thu thập dữ liệu								
	2) Soạn thảo báo cáo								
	3) Báo cáo sơ bộ								
	4) Tổng hợp ý kiến								
	5) ...								
	6) Báo cáo cuối cùng]								
2	[Hạng mục công việc 2]								
...									
n									

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
(2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Stt	Tên	Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu	Chức danh bố trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] ¹			Tổng số tháng công/ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	... ²	
I	Nhân sự chủ chốt³								
1	Nguyễn Văn A		[Hệ thống trích xuất theo vị trí nêu tại Bảng số 01 Chương III]	[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				[Hệ thống tự tính]
					[Thực địa]				[Hệ thống tự tính]
2					[Công ty]				
					[Thực địa]				
								
	Số công nhân sự chủ chốt								
II	Nhân sự khác								
1			[Nhà thầu điền]	Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				[Hệ thống tự tính]
					[Thực địa]				[Hệ thống tự tính]
2				[Công ty]				
					[Thực địa]				

Số công nhân sự khác									
----------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú:

- (1) Trường hợp Mục 14.3 **E-BDL** có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 **E-BDL**.
- (2) Hạng mục công việc được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 08 Chương IV.
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

Mẫu số 10 (Webform trên Hệ thống)**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾**

STT	Tên nhà thầu phụ⁽²⁾	Phạm vi công việc⁽³⁾	Khối lượng công việc⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đầu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đấu thầu.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSMT. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 11 (Webform trên Hệ thống)**ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾***(thuộc E-HSDXTC)*Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___ [*Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDXTC: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

Mẫu số 12 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA (*)

STT	Họ và tên (1)	Chức danh bố trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thù lao/tháng- (ngày) người (4)	Số tháng (ngày) người (5)	Thù lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5)	Tổng (7)
I	Nhân sự chủ chốt						
1	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	Công ty	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	(a)	(a)+(b)
			Thực địa	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	(b)	
2		Công ty				
			Thực địa				
II	Nhân sự khác						
1	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	Công ty	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]		
			Thực địa	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]		
2		Công ty				
			Thực địa				
						Tổng cộng	(A)

Ghi chú:

- (*): Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 3 Mẫu số 01C Chương này.
- (1), (2), (5): Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 09 Chương này.
- (4): Nhà thầu điền trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A. Trường hợp E-HSMT yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành Mẫu số 12A để Hệ thống trích xuất thông tin vào cột này.
- (6) (7): Hệ thống tự tính

Mẫu số 12A (Webform trên Hệ thống)

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Địa điểm làm việc	Lương cơ bản	Chi phí xã hội ¹ % của (3)	Chi phí quản lý chung ² % của (3)	Cộng (3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6)	Phụ cấp xa nhà	Thù lao cho chuyên gia/tháng (ngày) (6)+(7)+(8)
	(1)	(1a)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Văn A		Công ty							
			Thực địa							
...			Công ty							
			Thực địa							

Ghi chú: Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này

¹ Chi phí xã hội: bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành;

² Chi phí quản lý chung: là chi phí chung của nhà thầu không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...

CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA

STT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3)
1	[Công tác phí]	[Ngày]		[Hệ thống tự tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc thực địa của các nhân sự nêu tại Mẫu số 09]	(1)x(2)
2	[Chuyến bay]	[Chuyến]			
3	[Chi phí liên lạc]				
4	[Thiết bị, tài liệu...]				
5	[Chi phí đi lại trong nước]				
6	[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]				
7	[Đào tạo nhân sự của chủ đầu tư]				
Tổng chi phí					<i>(B)</i>

Cột (3): Hệ thống tự động tính

Mẫu số 14 (Webform trên Hệ thống)**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				(M1)
1					
2					
...					
II	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá				(M2)
	Các công việc				
1					
2					
...					
Tổng cộng					M=(M1+M2)

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Hệ thống trích xuất từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.
- (6) Hệ thống tự động tính.

Mẫu số 15 (Webform trên Hệ thống)**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ**

Thù lao cho chuyên gia	(A)
Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
Tổng chi phí	$A + B + M$

Ghi chú:

Mục A, B, M: Hệ thống tự trích xuất từ các Mẫu số 12, 13, 14

Tổng chi phí: Hệ thống tự tính và trích xuất ra giá dự thầu trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC.

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

1. Thông tin mô tả khái quát dự án, gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói 35/SCL2026/PTC3: Tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục xử lý khoảng cách pha đất đường dây 220kV của Đội Truyền tải điện Gia Lai quản lý vận hành, gồm 2 hạng mục công việc:

- + Hạng mục: Xử lý khoảng cách pha đất tại khoảng cột 55/02-55/03, Danh mục: Nhánh rẽ đường dây 220kV Pleiku - KrôngBuk dự án TBA 500kV Pleiku 2 vào đường dây 220kV Pleiku - Krôngbuk (mạch kép)
- + Hạng mục Xử lý khoảng cách pha đất tại khoảng cột 180-181,188-189, Đường dây 220kV Quy Nhơn - Pleiku (mạch đơn)

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 1 giai đoạn, 2 túi hồ sơ.

- Loại hợp đồng: trọn gói (*Khối lượng phạm vi từng nội dung công việc chi tiết như webform Mẫu số 01 và Mục II. Chương này*)

- Thời gian thực hiện gói thầu: 20 ngày (Tính từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng, tiến độ phù hợp kế hoạch sửa chữa lớn năm 2026)

- Chủ đầu tư : Công ty Truyền tải điện 3

- Nguồn vốn : vốn sửa chữa lớn năm 2026

- Địa điểm: (i) Hạng mục Xử lý khoảng cách pha đất tại khoảng cột 180-181,188-189, Đường dây 220kV Quy Nhơn - Pleiku (mạch đơn): xã Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai (ii) Hạng mục Xử lý khoảng cách pha đất tại khoảng cột 55/02-55/03, Nhánh rẽ đường dây 220kV Pleiku - KrôngBuk dự án TBA 500kV Pleiku 2 vào đường dây 220kV Pleiku - Krôngbuk (mạch kép): xã Gào, tỉnh Gia Lai

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu :

Nhằm lựa chọn nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp kỹ thuật phù hợp được quy định tại E-HSMT này để thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công- Dự toán để vấn đề khoảng cách pha – đất của đường dây hiện hữu, giúp đường dây vận hành an toàn, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, đồng thời ngăn ngừa sự cố phát sinh do người dân canh tác dưới hành lang, phương tiện qua lại vi phạm khoảng cách an toàn đường dây truyền tải.

II. Phạm vi công việc:

A. Thông tin chung

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội được sửa đổi bổ sung tại Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/6/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí Đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 và thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/1/2025;;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, được sửa đổi, bổ sung tại thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/1/2025;
- Quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/7/2006 của Bộ Công Nghiệp về việc ban hành Quy phạm trang bị điện;
- Quyết định số 921/QĐ-EVNNPT ngày 01/6/2025 của Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia về việc ban hành Quy định về công tác khảo sát, thiết kế lưới điện trong Tổng công ty Truyền tải điện Quốc Gia.
- Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, về việc ban hành Quy định về công tác Đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.
- Quyết định số 959/QĐ-EVN ngày 26/7/2021 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, về việc ban hành Quy trình kỹ thuật an toàn điện;
- Quyết định số 32/QĐ-HĐTV ngày 04/02/2025 của Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia về việc ban hành Quy trình vận hành và sửa chữa đường dây trên không điện áp 220kV, 500kV.
- Quyết định số 1725/QĐ-EVNNPT ngày 30/8/2025 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc Gia, về việc ban hành Quy định Sửa chữa lớn tài sản cố định trong Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia;
- Quyết định số 195/QĐ-HĐTV ngày 29/6/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Công ty Truyền tải điện 3;
- Quyết định số 943/QĐ-EVNNPT ngày 06/6/2025 của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia về việc phê duyệt danh mục sửa chữa lớn năm 2026 của Công ty Truyền tải điện 3;
- Quyết định số 3628/QĐ-PTC3 ngày 11/6/2025 của Công ty Truyền tải điện 3 về việc giao danh mục sửa chữa lớn năm 2026;
- Quyết định số 7368/QĐ-PTC3 ngày 12/11/2025 của PTC3 về việc nhiệm vụ và dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật các hạng mục sửa chữa lớn năm 2026 thuộc Đội Truyền tải điện Gia Lai quản lý vận hành
- Quyết định số 8072/QĐ-PTC3 ngày 13/12/2025 của PTC3 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu sửa chữa lớn năm 2026 Gói 35/SCL2026/PTC3: Tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục xử lý khoảng cách pha đất đường dây 220kV do Đội Truyền tải điện Gia Lai quản lý vận hành;
- Quyết định số 8104/QĐ-PTC3 ngày 15/12/2025 của PTC3 về việc phê duyệt dự toán gói thầu Gói 35/SCL2026/PTC3: Tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật, thiết kế bản

vẽ thi công và dự toán hạng mục xử lý khoảng cách pha đất đường dây 220kV do Đội Truyền tải điện Gia Lai quản lý vận hành;

2. Phạm vi công việc đối với nhà thầu tư vấn:

- Thực hiện khảo sát (thu thập số liệu về công trình hiện trạng, số liệu khí tượng - thủy văn, đo vẽ bình đồ,)
- Lập phương án khảo sát, báo cáo khảo sát trình chủ đầu tư phê duyệt.
- Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật với đầy đủ các nội dung theo quy định hiện hành;
- Lập bản vẽ thiết kế thi công ...;
- Lập thuyết minh thiết kế BVTC;
- Lập dự toán trên cơ sở hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công ở trên;
- Đơn vị tư vấn sẽ giải trình hoặc phối hợp giải trình với các cấp có thẩm quyền thẩm định, cho ý kiến thiết kế bản vẽ thi công khi có yêu cầu;
- Tham gia nghiệm thu và thực hiện giám sát tác giả.

Lưu ý:

+ Hiện tại dự toán của gói thầu được duyệt với thuế GTGT là 8%, để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong việc so sánh mặt bằng giá chào giữa các nhà thầu theo nguyên tắc đấu thầu qua Hệ thống E-GP, yêu cầu nhà thầu chào thuế GTGT là 8% cho tất cả các công việc trong phạm vi gói thầu. Việc đánh giá, xét thầu, so sánh và xác định giá trúng thầu sẽ căn cứ trên tỉ lệ thuế GTGT là 8%. Tỉ lệ % thuế GTGT được thanh toán theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền tại thời điểm công việc thực hiện được nghiệm thu thanh toán và điều khoản hợp đồng.

+ Nhà thầu chào giá bao gồm các Chi phí phục vụ, chi phí quản lý, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, ... và kể cả chi phí chuyên quân và vận chuyển máy móc thiết bị phục vụ công tác khảo sát (nếu có) và không được tính phát sinh.

+ Nhà thầu căn cứ khối lượng, mô tả nhiệm vụ, phạm vi công việc trong Chương này để tính toán đầy đủ chi phí cần thiết để triển khai công việc tư vấn theo phạm vi, khối lượng yêu cầu.

B. Nhiệm vụ cụ thể

B1. Hạng mục: Xử lý khoảng cách pha đất tại khoảng cột 55/02-55/03, danh mục Nhánh rẽ ĐZ 220kV Pleiku-KrôngBuk dự án TBA 500kV Pleiku 2 vào ĐZ 220kV Pleiku - Krôngbuk (năm 2016) (mạch kép);

Đặc điểm công trình:

Nhánh rẽ ĐZ 220kV Pleiku-KrôngBuk dự án TBA 500kV Pleiku 2 vào ĐZ 220kV Pleiku - Krôngbuk (năm 2016) (mạch kép) được đóng điện đưa vào vận hành năm 2016, đầu nối vào đường dây 220kV Pleiku - KrôngBuk (*Mã số TSCĐ: 1.24000000.0003004, số thẻ TT3-202109022*), bao gồm 2 xuất tuyến đường dây 220kV 272 Pleiku – 275 Pleiku 2 và 276 Pleiku 2 – 272 Chư Sê. Đội Truyền tải điện Gia Lai QLVH cung đoạn 55/01 - 55/13 dài 3,787 km. Tuyến đường dây đi trên địa bàn xã Gào, tỉnh Gia Lai.

*** Thông số kỹ thuật đường dây:**

- **Cột:** Sử dụng loại cột thép, ba pha bố trí thẳng hàng, đối với các vị trí chui dưới đường dây 500kV sử dụng 2 Cột néo thẳng 1 mạch, ba pha bố trí nằm ngang.

- **Loại móng:** Móng trụ bê tông cốt thép đổ tại chỗ.

- **Dây dẫn:** Sử dụng dây ACSR-500/64 (dây đơn).

- **Dây chống sét:** Sử dụng 01 dây chống sét 01 sợi PHLOX 116; 02 dây chống sét kết hợp cáp quang OPGW 70.

- **Cách điện:** Sử dụng cách điện composite do hãng Bonomi, Italia sản xuất.

- **Tiếp địa:** Sử dụng tiếp địa loại tia kết hợp cọc.

- **Đặc điểm, tình trạng các vị trí 55/02, 55/03 và khoảng néo 55/01-55/02, 55/02-55/03, 55/03-55/04:**

STT	Kết cấu	VT 55/02	VT 55/03	Ghi chú
1.	Loại cột	2 cột néo thẳng 1 mạch	2 cột néo thẳng 1 mạch	
2.	Kí hiệu cột	2xTC211-19	2xTC211-19	
3.	Chiều cao cột (m)	18,6	18,6	
4.	Dây dẫn	ACSR 500/64	ACSR 500/64	
5.	Dây cáp quang	02 sợi OPGW 70	02 sợi OPGW 70	<i>Khoảng cột 55/02-55/03 chỉ có 02 dây cáp quang, không có dây chống sét</i>
6.	Loại cách điện	Chuỗi néo composite, thủy tinh (néo đơn), chuỗi đỡ lèo composite.	Chuỗi néo composite, thủy tinh (néo đơn), chuỗi đỡ lèo composite.	
7.	Cao độ của cột so với mực nước biển (m)	777	772	
8.	Chiều cao điểm treo dây	10,5	10,5	

+ Đường vào vị trí 55/02: Từ đường nhựa liên xã, có đường đất rộng khoảng 2,5m đi đến vị trí (dài khoảng 90m).

+ Đường vào vị trí 55/03: Cùng đường vào vị trí 55/02, từ vị trí 55/02 đến vị trí 55/03 là đoạn đường đất rộng 2,5m dài 210m.

- **Chiều dài các khoảng néo liên quan:**

+ Khoảng néo 55/01-55/02 dài 301m.

+ Khoảng néo 55/02-55/03 dài 210m.

+ Khoảng néo 55/03-55/04 dài 210m.

- **Đặc điểm chính khoảng cột 55/02-55/03 có độ cao pha-đất thấp:**

+ Khoảng cột 55/02-55/03 có chiều dài 210m, điểm pha đất thấp nằm giữa khoảng, trong và ngoài hành lang canh tác cây cà phê.

Hiện trạng công trình:

Đường dây Nhánh rẽ ĐZ 220kV Pleiku-KrôngBuk dự án TBA 500kV Pleiku 2 vào ĐZ 220kV Pleiku - Krôngbuk (năm 2016) (mạch kép) dài 3,787 km, được đưa vào vận hành năm 2016. Trong các năm trở lại đây điều kiện kinh tế xã hội ngày càng phát triển, người dân chuyển đến sinh sống, trồng trọt, canh tác trong khu vực hành lang và mở đường đi lỏi lại dưới hành lang, máy móc, phương tiện giao thông và người dân vận chuyển nông sản hàng hóa chất cao thường xuyên qua lại dưới đường dây. Bên cạnh đó đường dây 220kV Pleiku 2 – Chư Sê thường xuyên vận hành trong tình trạng tải cao, đầy tải (năm 2024: 159 lần; các tháng đầu năm 2025: 73 lần), kèm với nhiệt độ môi

trường cao làm cho dây dẫn giãn nở dẫn đến khoảng cách pha đất khoảng cột 55/02-55/03 không đạt theo QPTBĐ đối với vùng đông dân cư (*Điều II.5.107 QPTBĐ (khoảng cách pha đất đường dây 220kV không được nhỏ hơn 8m đối với khu vực đông dân cư)*). Vì vậy nguy cơ sự cố do vi phạm hành lang là rất lớn (*Tạm thời đơn vị đã đặt biển cảnh báo để ngăn ngừa nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn*). *Khoảng cách pha đất cụ thể:*

Khoảng cột	Chiều dài khoảng cột (m)	Khoảng cách từ điểm đo đến cột		Khoảng cách pha đất (m)		Dòng tải/nhiệt độ môi trường (°C)	Ứng suất căng dây trong KN so với thiết kế	Ghi chú
		Cột	Khoảng cách (m)	Pha B	Pha C			
55/02-55/03 (Mạch Pleiku – Pleiku 2)	210	Giữa khoảng	8,1	7,8	7,4	615/35	<i>Khoảng néo 55-02-55/03: Lực căng đạt 91,3% so với T/kế</i>	<i>Đã đặt biển cảnh báo pha đất thấp.</i>
55/02-55/03 (Mạch Pleiku 2 – Chư Sê)	210	Giữa khoảng	8,8	7,8	7,5	825/35	<i>Khoảng néo 55/02-55/03 Lực căng đạt 91,3% so với T/kế</i>	<i>Đã đặt biển cảnh báo pha đất thấp</i>

- Bảng kê giao chéo đường bộ:

TT	Loại đường giao thông giao chéo	Khoảng cột ĐDK 220kV giao chéo	Số điểm giao chéo	Ghi chú
1	Đường đất rộng 2,5m	KC 55/01-55/02	1	Cách trụ 55/02 khoảng 45m
2	Đường đất rộng 2,5m	KC 55/02-55/03	1	Sát trụ 55/03
3	Đường đất rộng 2,5m	KC 55/03-55/04	2	01 đường cách trụ 55/03 khoảng 35m; 01 đường cách trụ 55/04 khoảng 30m.

- Giao chéo đường dây cao, trung áp:

TT	Khoảng cột	Nội dung giao chéo	Ghi chú
1	55/02-55/03	- Giao chéo đường dây 500kV Pleiku – Nhơn Hòa 1 (KC 2354-2355) đi phía trên đường dây 220 kV, khoảng cách dây cáp quang thuộc khoảng cột 55/02-55/03 tới dây dẫn ĐZ 500kV Pleiku – Nhơn Hòa 1: + <i>Mạch 220kV Pleiku - Pleiku 2: 10m.</i> + <i>Mạch 220kV Pleiku 2 – Chư Sê: 8,69m.</i>	

Mục tiêu khảo sát:

- Tiến hành khảo sát tại thực địa, thu thập số liệu để lập Phương án Tổ chức xây dựng công trình “Nhánh rẽ ĐZ 220kV Pleiku-KrôngBuk dự án TBA 500kV Pleiku 2 vào ĐZ 220kV Pleiku - Krôngbuk (năm 2016) (mạch kép); Hạng mục: Xử lý khoảng cách

pha đất tại khoảng cột 55/02-55/03”. Lựa chọn giải pháp: Nối thêm đoạn thân cột 2,5m vào đoạn thân cột 55/02, 55/03 hiện hữu.

- Tính toán, phân tích các giải pháp để nâng cao độ cao pha đất của khoảng cột 55/02-55/03; tính toán khả năng chịu lực của cột, độ võng của các khoảng cột, ứng suất căng dây tính toán thực tế/thiết kế các khoảng néo sau xử lý theo giải pháp đã nêu ở trên hoặc có giải pháp khác phù hợp.

Phạm vi và phương án thực hiện:

- Khảo sát, điều tra địa hình, địa chất tại vị trí thi công; khảo sát đường vận chuyển vật liệu, máy thi công bằng thủ công và cơ giới đến vị trí thi công công trình, lập báo cáo khảo sát địa hình của vị trí thi công và khoảng néo (55/01-55/02, 55/02-55/03, 55/03-55/04 dài 721 m), làm cơ sở tính toán các giải pháp thiết kế phù hợp, tổ chức thi công và dự toán công trình.

- Khảo sát hiện trạng canh tác cây cối, hoa màu, ..., ảnh hưởng đến giải pháp thiết kế công trình để phục vụ tính toán chi phí bồi thường hỗ trợ làm đường tạm, bồi thường hỗ trợ đối với cây trồng tại vị trí thi công. Lập bảng thông kê hành lang tuyến đường dây của khoảng néo: 55/01-55/02, 55/02-55/03, 55/03-55/04 dài 721 m.

- Khảo sát và đo vẽ tuyến đường dây 220kV của khoảng néo: 55/01-55/02, 55/02-55/03, 55/03-55/04 dài 721 m.

- Khảo sát lại độ võng, độ cao pha đất của khoảng néo: 55/01-55/02, 55/02-55/03, 55/03-55/04 dài 721 m, có xét đến các khoảng cột có độ cao pha đất thấp 55/02-55/03.

- Khảo sát, điều tra, lập bảng thông kê hành lang tuyến đường dây của các khoảng néo: 55/01-55/02, 55/02-55/03, 55/03-55/04 dài 721 m.

Yêu cầu cụ thể đối với công tác khảo sát

- Xác định lại độ võng, độ cao pha đất của khoảng néo: 55/01-55/02, 55/02-55/03, 55/03-55/04 dài 721 m có xét đến khoảng cột có độ cao pha đất thấp 55/02-55/03.

- Vẽ lại mặt cắt dọc tuyến của khoảng néo của khoảng néo: 55/01-55/02, 55/02-55/03, 55/03-55/04 dài 721 m. Tỷ lệ ngang 1/5000, tỷ lệ đứng 1/500 (do đường dây đã vận hành lâu năm; hiện nay địa hình, địa chất đã thay đổi nhiều so với thời điểm ban đầu lập mặt cắt dọc; vì thế mặt cắt dọc hiện hữu không còn phù hợp với thực tế vận hành).

- Tính toán, phân tích các giải pháp nâng cao độ cao pha đất của khoảng cột 55/02-55/03 và các khoảng cột khác trong khoảng néo, sau đó lựa chọn giải pháp tối ưu nhất.

- Tính toán lực căng dây của khoảng néo 55/01-55/02, 55/02-55/03, 55/03-55/04 để có cơ sở chứng minh lựa chọn giải pháp: Nối thêm đoạn thân cột 2,5m vào đoạn thân cột 55/02, 55/03 hiện hữu. Tính toán, phân tích và đưa ra giải pháp phù hợp nhằm xử lý pha đất thấp; tính toán khả năng chịu lực của cột, độ võng của các khoảng cột, ứng suất căng dây tính toán thực tế/thiết kế khoảng néo sau xử lý hoặc có giải pháp khác phù hợp.

- Xác định hiện trạng canh tác cây cối, hoa màu, ..., ảnh hưởng đến giải pháp thiết kế công trình; lập bảng thông kê hành lang tuyến đường dây của cung đoạn liên quan.

- Lập phương án tổ chức xây dựng công trình, bản vẽ, dự toán, chi phí bồi thường hỗ trợ về đất, bồi thường hỗ trợ đối với cây trồng để làm đường tạm vào thi công, bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thi công công trình Nhánh rẽ ĐZ 220kV Pleiku-KrôngBuk dự án TBA 500kV Pleiku 2 vào ĐZ 220kV Pleiku - Krôngbuk (năm 2016) (mạch kép).

- Kết quả khảo sát phải được thể hiện bằng báo cáo kết quả khảo sát và được chủ đầu tư phê thẩm tra, thẩm định và duyệt theo phân cấp.

Yêu cầu cụ thể công tác lập Phương án kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công, thiết kế bản vẽ thi công

- Trên cơ sở báo cáo kết quả khảo sát, tiến hành tính toán, thuyết minh Phương án kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công, Hạng mục: Xử lý khoảng cách pha đất tại khoảng cột 55/02-55/03 thuộc danh mục: Nhánh rẽ ĐZ 220kV Pleiku-KrôngBuk dự án TBA 500kV Pleiku 2 vào ĐZ 220kV Pleiku - Krôngbuk (năm 2016) (mạch kép).

- Tính toán, thiết kế sửa chữa trên cơ sở đánh giá khả năng chịu lực của công trình hiện trạng, thiết kế sử dụng lại tối đa hiện trạng cũ.

- Xác định khối lượng chi tiết, khối lượng tổng hợp của toàn bộ công việc theo định mức hiện hành.

- Phải có thuyết minh tính toán về các chỉ tiêu, tính toán khả năng chịu lực... trong nội dung hồ sơ.

- Lập báo cáo đánh giá hiệu quả sửa chữa công trình.

- Lập bản vẽ hiện trạng.

- Lập bản vẽ mặt cắt dọc, bản vẽ thi công, bản vẽ vật tư, ...

- Các nội dung khác bao gồm nhưng không hạn chế : gồm thuyết minh về sự cần thiết sửa chữa, mục tiêu sửa chữa, địa điểm sửa chữa, quy mô, cấp công trình, giải pháp tổ chức thi công, giải pháp an toàn, phương án bố trí mặt bằng thi công và bảo vệ môi trường, thời gian sửa chữa, hiệu quả công trình.

Yêu cầu đối với dự toán

- Công việc đo bóc khối lượng được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng (13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây Dựng và các thông tư sửa đổi, bổ sung đối với thông tư này).

- Dự toán lập áp dụng phù hợp định mức, đơn giá, chế độ, chính sách về các khoản mục chi phí hiện hành của Nhà nước.

- Giá vật tư áp dụng theo công bố giá của sở Xây dựng tỉnh Gia Lai và các bảng báo giá từ doanh nghiệp cung cấp vật tư tại thời điểm lập dự toán công trình.

- Giá nhiên liệu áp dụng theo thông cáo báo chí của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam tại thời điểm lập hồ sơ dự toán công trình.

- Nội dung của dự toán yêu cầu tính toán chi tiết, đầy đủ các khoản mục chi phí để thực hiện: chi phí xây dựng, chi phí tư vấn, chi phí khác, chi phí dự phòng trong toàn bộ thực hiện.

Các phần mềm tính toán :

- Phần mềm tính toán kết cấu, thiết kế bản vẽ phù hợp như: SAP 2000, Autocad ...
- Phần mềm lập dự toán cho hạng mục thực hiện: phần mềm dự toán GXD của Công ty Cổ phần Giá xây dựng.

Khối lượng tư vấn khảo sát thực hiện

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Đo vẽ lại mặt cắt dọc tuyến của các khoảng néo: 55/01-55/02, 55/02-55/03, 55/03-55/04 Tỷ lệ ngang 1/5000, tỷ lệ đứng 1/500	m	721	
2	Thu thập số liệu			
2.1	Số liệu công trình hiện trạng.	Yêu cầu nhân lực có đủ kinh nghiệm		Kỹ sư bậc 4,0/8 trở lên

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
2.2	Số liệu khí hậu, thủy văn			Kỹ sư bậc 4,0/8 trở lên
2.3	Số liệu thủ tục pháp lý địa phương			Kỹ sư bậc 4,0/8 trở lên
3	Các nội dung khảo sát khác phục vụ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (nếu cần thiết)			

B2. Hạng mục: Xử lý khoảng cách pha đất tại khoảng cột 180-181, 188-189 Danh mục: Đường dây 220kV Quy Nhơn - Pleiku (mạch đơn);

Đặc điểm công trình:

- Đường dây 220kV Quy Nhơn – Pleiku (mạch đơn) được đưa vào vận hành năm 1995 (Mã số TSCĐ: 1.37017070.0002262, số thẻ TT3 – 477), cung đoạn Đội Truyền tải điện Gia Lai quản lý từ vị trí 01-395 với tổng chiều dài 146,6 km. Năm 2016 đấu nối vào TBA 220kV NMD SK An Khê, đường dây này được tách thành 02 đoạn đường dây 220kV NMTĐ An Khê – NMD SK An Khê cung đoạn 01-160 và đoạn đường dây 220kV NMD SK An Khê - Pleiku cung đoạn 160-395. Đường dây đi trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

*** Thông số kỹ thuật đường dây:**

- **Cột:** Cột thép 01 mạch, ba pha bố trí tam giác.
- **Loại móng:** Móng trụ bê tông cốt thép đổ tại chỗ.
- **Dây dẫn:** Sử dụng dây ACSR-300/39 (dây đơn).
- **Dây chống sét:** Sử dụng dây chống sét TK 70 (Góc bảo vệ DCS tại các vị trí néo là $22,1^0$, tại các vị trí đỡ là $29,81^0$).
- **Cách điện:** Sử dụng cách điện gốm, composite.
- **Tiếp địa:** Sử dụng loại tiếp địa tia- cọc kết hợp.
- **Đặc điểm, tình trạng các vị trí 180, 188, và các khoảng cột thuộc khoảng néo 169-180, 180-188, 188-197:**

STT	Kết cấu	VT 180	VT 188	Ghi chú
	Loại cột	Néo góc	Néo thẳng	
2.	Kí hiệu cột	Y220-1	Y220-1	
3.	Chiều cao cột (m)	23,6	23,6	
4.	Bố trí pha	Tam giác	Tam giác	<i>Pha A trên, Pha B dưới, Pha C độc lập (pha C & B cùng tầng xà).</i>
5.	Dây dẫn	ACSR 300/39	ACSR 300/39	
6.	Dây chống sét	TK 70	TK 70	
7.	Loại cách điện	Composite Néo đơn 160kN	Composite Néo đơn 160kN	
8.	Hãng/Nước sản xuất	Pfisterer Seafag/Thụy Sỹ	Pfisterer Seafag/Thụy Sỹ	
9.	Cao độ của cột so với mực nước biển (m)	440	480	

STT	Kết cấu	VT 180	VT 188	Ghi chú
10.	Góc bảo vệ chống sét / DCQ/(độ)	22,1	22,1	
11.	Khoảng cách mở phóng (mm)	2.000	2.060	
12.	Khoảng cách giữa xà Xà - Xà DD (mm)	6.500	6.500	
13.	Điểm treo dây thấp nhất tại cột (m)	10,5	10,5	
14.	Điểm treo dây cao nhất tại cột (m)	17	17	

+ Đường vào vị trí 180: Từ đường Quốc lộ 19, có đường bê tông rộng 3m dài khoảng 460m, sau đó tiếp tục bằng đường bê tông rộng 2m dẫn đến vị trí. Xung quanh vị trí canh tác cây mía, địa hình tương đối bằng phẳng.

+ Đường vào vị trí 188: Từ đường Quốc lộ 19, có đường đất rộng khoảng 3m đi ngang qua thao trường huấn luyện của Quân Đội dài 540m, sau đó đi vào đến vị trí khoảng 30m.

- Chiều dài các khoảng néo liên quan:

+ Khoảng néo 169-180 dài 4.165m.

+ Khoảng néo 180-188 dài 2.701m.

+ Khoảng néo 188-197 dài 3.007m.

- Đặc điểm chính khoảng cột 180-181 có độ cao pha-đất thấp:

+ Khoảng cột 180-181 có chiều dài 246m, điểm pha đất thấp cách vị trí 180 là 40m, trong và ngoài hành lang canh tác cây mía.

- Đặc điểm chính các cột đỡ trung gian liên quan đến khoảng néo 169-180, 180-188:

+ Các vị trí 170, 170A, 171-179, 181-187: sử dụng cột đỡ 1 mạch 220kV; ký hiệu cột IIC 220-5, cao 31,5m, sử dụng cách điện composite (đỡ đơn).

+ Đặc điểm hành lang: Trong và ngoài hành lang chủ yếu canh tác hoa màu, cây mía.

- Đặc điểm chính khoảng cột 188-189 có độ cao pha-đất thấp:

+ Khoảng cột 188-189 có chiều dài 235m, điểm pha đất thấp cách vị trí 188 là 40m, trong và ngoài hành lang canh tác cây mía.

- Đặc điểm chính các cột đỡ trung gian liên quan đến khoảng néo 188-197:

+ Các vị trí 181-196: sử dụng cột đỡ 1 mạch 220kV; ký hiệu cột IIC 220-5, cao 31,5m, sử dụng cách điện composite (đỡ đơn).

Hiện trạng công trình:

- Đường dây 220kV Quy Nhơn – Pleiku (mạch đơn) được đưa vào vận hành từ năm 1995 (đến nay đã qua 30 năm). Trong các năm trở lại đây điều kiện kinh tế xã hội ngày càng phát triển, người dân chuyển đến sinh sống, trồng trọt, canh tác trong khu vực hành lang và mở đường đi lối lại dưới hành lang, máy móc, phương tiện giao thông và người dân vận chuyển nông sản hàng hóa chất cao thường xuyên qua lại dưới đường dây. Bên cạnh đó, đường dây 220kV NMĐSK An Khê – Pleiku thường xuyên vận hành trong tình trạng tải cao, đầy tải (năm 2024: 05 lần; các tháng đầu năm 2025: 21 lần), kèm với nhiệt độ môi trường cao làm cho dây dẫn giãn nở cộng dẫn đến khoảng cách pha đất khoảng cột 180-181, 188-189 không đạt theo QPTBĐ. Vì vậy nguy cơ sự cố do vi phạm hành

lang là rất lớn (Tạm thời đơn vị đã đặt biển cảnh báo để ngăn ngừa nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn). Khoảng cách pha đất cụ thể:

Khoảng cột	Chiều dài khoảng cột (m)	Khoảng cách từ điểm đo đến cột		Khoảng cách pha đất (m)		Khoảng cách theo QPTBĐ (m)	Dòng tải/nhiệt độ môi trường (°C)	Ứng suất căng dây trong KN so với thiết kế	Ghi chú
		Cột	Khoảng cách (m)	Pha B	Pha C				
180-181	246	180	40	7,3	7,5	8 (khu vực đông dân cư)	667/35	Khoảng néo 180-188: Lực căng đạt 96,1% so với T/kế	Đã đặt biển cảnh báo pha đất thấp.
188-189	235	188	40	6,6	6,5	7 (khu vực ít dân cư)	667/35	Khoảng néo 188-197 Lực căng đạt 96,3% so với T/kế	Đã đặt biển cảnh báo pha đất thấp

- Khoảng cột 180-181 có khoảng cách pha đất không đạt yêu cầu theo điều II.5.107 QPTBĐ (khoảng cách pha đất đường dây 220kV không được nhỏ hơn 8m đối với khu vực đông dân cư).

- Khoảng cột 188-189 có khoảng cách pha đất không đạt yêu cầu theo điều II.5.95 QPTBĐ (khoảng cách pha đất đường dây 220kV không được nhỏ hơn 7m đối với khu vực ít dân cư).

- Bảng kê giao chéo đường bộ:

TT	Loại đường giao thông giao chéo	Khoảng cột ĐDK 220kV giao chéo	Số điểm giao chéo	Ghi chú
1	Đường bê tông 3m	KC 179-180 cách vị trí 180 là 60m	1	
2	Đường nhựa Quốc lộ 19	KC 189-190 cách vị trí 190 là 65m	1	

- Giao chéo đường dây trung hạ thế:

TT	Loại đường dây trung hạ thế giao chéo	Khoảng cột ĐDK 220kV giao chéo	SL điểm giao chéo	Ghi chú
1	Đường dây 22 kV 3 pha dây bọc (472AKH/336-472AKH/337)	KC 189-190 cách vị trí 190: 65m	1	
2	Đường dây 0,4 kV dây vặn xoắn (1C23/341/3H-1C23/341/4H-1C23/341/5H)	KC 189-190 cách vị trí 190: 75m	1	

3	Đường dây 0,4 kV dây văn xoắn (1T4- 1/282/10H-1T4- 1/282/11H-1T4- 1/282/12H)	KC 179-180 cách vị trí 179: 60m	1	
---	--	------------------------------------	---	--

Mục tiêu khảo sát:

- Tiến hành khảo sát tại thực địa, thu thập số liệu để lập Phương án Tổ chức xây dựng công trình “Danh mục: Đường dây 220kV Quy Nhơn - Pleiku (mạch đơn); Hạng mục: Xử lý khoảng cách pha đất tại khoảng cột 180-181, 188-189”. Lựa chọn giải pháp: ***Gia cường, thay đổi sơ đồ bố trí pha trên cột néo 180, 188 (thay đổi sơ đồ bố trí tam giác thành sơ đồ bố trí các pha nằm ngang); Kết hợp hiệu chỉnh lại độ võng dây dẫn các khoảng cột liền kề vị trí néo 180, 188, đảm bảo khoảng cách 3 pha đều nhau.***

- Tính toán, phân tích các giải pháp để nâng cao độ cao pha đất của khoảng cột 180-181, 188-189; tính toán khả năng chịu lực của cột, độ võng của các khoảng cột, ứng suất căng dây tính toán thực tế/thiết kế các khoảng néo sau xử lý theo giải pháp đã nêu ở trên hoặc có giải pháp khác phù hợp.

Phạm vi và phương án thực hiện:

Tiến hành khảo sát, thu thập số liệu, đo đạc địa hình phục vụ dự án công trình “Đường dây 220kV Quy Nhơn - Pleiku (mạch đơn). Hạng mục: Xử lý khoảng cách pha đất tại khoảng cột 180-181, 188-189”. Cụ thể:

- Khảo sát, điều tra địa hình, địa chất tại vị trí thi công; khảo sát đường vận chuyển vật liệu, máy thi công bằng thủ công và cơ giới đến vị trí thi công công trình, lập báo cáo khảo sát địa hình của vị trí thi công và khoảng néo (177-180, 180-183, 185-188, 188-191 dài 3905 m), làm cơ sở tính toán các giải pháp thiết kế phù hợp, tổ chức thi công và dự toán công trình.

- Khảo sát và đo vẽ tuyến đường dây 220kV của khoảng cột: 177-180, 180-183, 185-188, 188-191 dài 3905 m, địa hình cấp IV (do đường dây đã vận hành lâu năm; hiện nay địa hình, địa chất đã thay đổi nhiều so với thời điểm ban đầu lập mặt cắt dọc; vì thế mặt cắt dọc hiện hữu không còn phù hợp với thực tế vận hành).

- Khảo sát lại độ võng, độ cao pha đất của khoảng cột: 177-180, 180-183, 185-188, 188-191 dài 3905 m, có xét đến các khoảng cột có độ cao pha đất thấp 180-181, 188-189.

- Khảo sát, điều tra, lập bảng thống kê hành lang tuyến đường dây của các khoảng cột: 177-180, 180-183, 185-188, 188-191 dài 3905 m.

Yêu cầu cụ thể của công tác khảo sát:

- Xác định lại độ võng, độ cao pha đất của khoảng cột: 177-180, 180-183, 185-188, 188-191 dài 3905 m, có xét đến khoảng cột có độ cao pha đất thấp 180-181, 188-189.

- Vẽ lại mặt cắt dọc tuyến của khoảng néo của khoảng cột: 177-180, 180-183, 185-188, 188-191 dài 3905 m. Tỷ lệ ngang 1/5000, tỷ lệ đứng 1/500 (do đường dây đã vận hành lâu năm; hiện nay địa hình, địa chất đã thay đổi nhiều so với thời điểm ban đầu lập mặt cắt dọc; vì thế mặt cắt dọc hiện hữu không còn phù hợp với thực tế vận hành).

- Tính toán, phân tích các giải pháp nâng cao độ cao pha đất của các khoảng cột 180-181, 188-189 và các khoảng cột khác trong khoảng néo, sau đó lựa chọn giải pháp tối ưu nhất.

- Tính toán lực căng dây của khoảng néo 169-180, 180-188, 188-197 để có cơ sở chứng minh lựa chọn giải pháp: ***Gia cường, thay đổi sơ đồ bố trí pha trên cột néo 180, 188 (thay đổi sơ đồ bố trí tam giác thành sơ đồ bố trí các pha nằm ngang); kết hợp***

hiệu chỉnh lại độ võng dây dẫn các khoảng cột liên kế vị trí néo 180, 188, đảm bảo khoảng cách 3 pha đều nhau. Tính toán, phân tích và đưa ra giải pháp phù hợp nhằm xử lý pha đất thấp; tính toán khả năng chịu lực của cột, độ võng của các khoảng cột, ứng suất căng dây tính toán thực tế/thiết kế khoảng néo sau xử lý hoặc có giải pháp khác phù hợp.

- Xác định hiện trạng canh tác cây cối, hoa màu, ..., ảnh hưởng đến giải pháp thiết kế công trình; lập bảng thông kê hành lang tuyến đường dây của cung đoạn liên quan.

- Lập phương án tổ chức xây dựng công trình, bản vẽ, dự toán, chi phí bồi thường hỗ trợ về đất, bồi thường hỗ trợ đối với cây trồng để làm đường tạm vào thi công, bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thi công công trình ĐZ 220kV Pleiku – Quy Nhơn (mạch đơn).

Yêu cầu cụ thể công tác lập Phương án kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công, thiết kế bản vẽ thi công

- Trên cơ sở báo cáo kết quả khảo sát, tiến hành tính toán, thuyết minh lập Phương án Tổ chức xây dựng công trình, Hạng mục: Xử lý khoảng cách pha đất tại khoảng cột 180-181, 188-189 thuộc danh mục: Đường dây 220kV Quy Nhơn – Pleiku (mạch đơn).

- Tính toán, thiết kế sửa chữa trên cơ sở đánh giá khả năng chịu lực của công trình hiện trạng, thiết kế sử dụng lại tối đa hiện trạng cũ.

- Xác định khối lượng chi tiết, khối lượng tổng hợp của toàn bộ công việc theo định mức xây dựng hiện hành.

- Phải có thuyết minh tính toán về các chỉ tiêu, tính toán khả năng chịu lực... trong Nội dung báo cáo kinh tế kỹ thuật.

- Lập báo cáo đánh giá hiệu quả sửa chữa công trình.

- Lập bản vẽ hiện trạng

- Lập bản vẽ mặt cắt dọc, bản vẽ thi công, bản vẽ vật tư, ...

- Các nội dung khác bao gồm nhưng không hạn chế : gồm thuyết minh về sự cần thiết sửa chữa, mục tiêu sửa chữa, địa điểm sửa chữa, quy mô, cấp công trình, giải pháp tổ chức thi công, giải pháp an toàn, phương án bố trí mặt bằng thi công và bảo vệ môi trường, thời gian sửa chữa, hiệu quả công trình.

Yêu cầu đối với dự toán

- Công việc đo bóc khối lượng được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng (13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây Dựng và các thông tư sửa đổi, bổ sung đối với thông tư này).

- Dự toán lập áp dụng phù hợp định mức, đơn giá, chế độ, chính sách về các khoản mục chi phí hiện hành của Nhà nước.

- Giá vật tư áp dụng theo công bố giá của sở Xây dựng tỉnh Gia Lai và các bảng báo giá từ doanh nghiệp cung cấp vật tư tại thời điểm lập dự toán công trình.

- Giá nhiên liệu áp dụng theo thông cáo báo chí của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam tại thời điểm lập hồ sơ dự toán công trình.

- Nội dung của dự toán yêu cầu tính toán chi tiết, đầy đủ các khoản mục chi phí để thực hiện: chi phí xây dựng, chi phí tư vấn, chi phí khác, chi phí dự phòng trong toàn bộ thực hiện.

Các phần mềm tính toán :

- Phần mềm tính toán kết cấu, thiết kế bản vẽ phù hợp như: SAP 2000, Autocad ...

- Phần mềm lập dự toán cho hạng mục thực hiện: phần mềm dự toán GXD của Công ty Cổ phần Giá xây dựng.

Khối lượng tư vấn khảo sát thực hiện

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Vẽ lại mặt cắt dọc tuyến của các khoảng cột: 177-180, 180-183, 185-188, 188-191 . Tỷ lệ ngang 1/5000, tỷ lệ đứng 1/500	m	3905	
2	Thu thập số liệu			
2.1	Số liệu công trình hiện trạng.	Yêu cầu nhân lực có đủ kinh nghiệm		Kỹ sư bậc 4,0/8 trở lên
2.2	Số liệu khí hậu, thủy văn			Kỹ sư bậc 4,0/8 trở lên
2.3	Số liệu thủ tục pháp lý địa phương			Kỹ sư bậc 4,0/8 trở lên
3	Các nội dung khảo sát khác phục vụ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (nếu cần thiết)			

C. Hồ sơ tư vấn và tiến độ thực hiện

1. Biên chế hồ sơ cho từng hạng mục như sau

Tập 1: Hồ sơ khảo sát.

- Thuyết minh khảo sát và nội dung chi tiết như yêu cầu.
- Bản vẽ và dữ liệu thu thập.

Tập 2: Hồ sơ phương án kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công – Dự toán bao gồm các nội dung

Căn cứ vào các hồ sơ khảo sát và các số liệu thu thập, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật trong đó đề xuất phương án kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công để thực hiện, bao gồm:

- + Thuyết minh chung về hiện trạng hư hỏng, nhu cầu sửa chữa
- + Tính toán, thiết kế sửa chữa trên cơ sở đánh giá khả năng chịu lực của công trình hiện trạng, thiết kế sử dụng lại tối đa hiện trạng cũ.

+ Đề xuất phương án sửa chữa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn trong suốt quá trình thi công, tính toán chi tiết tất cả khối lượng các công tác xây lắp của hạng mục cần thực hiện, bao gồm cả khối lượng đền bù thi công (nếu có). Khối lượng được lập theo Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021. Yêu cầu đính kèm thuyết minh tính toán về các chỉ tiêu, tính toán khả năng chịu lực... trong Nội dung báo cáo kinh tế kỹ thuật.

+ Lập bản vẽ thiết kế thi công (bao gồm Bản vẽ thể hiện hiện trạng, Bản vẽ mặt cắt dọc, bản vẽ thi công, bản vẽ vật tư,), phương án tổ chức thi công và chỉ dẫn kỹ thuật sửa chữa công trình.

+ Lập dự toán chi phí thực hiện (có đầy đủ thuyết minh, dự toán và cơ sở giá).

- Lập báo cáo đánh giá hiệu quả sửa chữa công trình.

- Lập hồ sơ yêu cầu quản lý chất lượng hạng mục công trình khi thi công (*yêu cầu về vật tư, biện pháp quản lý chất lượng đầu vào, về vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường, các yêu cầu kỹ thuật khi thi công, biện pháp kiểm tra giám sát quá trình thi công, các mẫu biên bản nghiệm thu, chuyển bước thi công, ...*)

- Lập quy trình bảo trì, bảo dưỡng cho hạng mục công trình phù hợp các quy định hiện hành.

- Các nội dung khác có liên quan phù hợp quy định
- Thỏa thuận khác theo yêu cầu.

Lưu ý:

- Các thành phần và tỷ lệ bản vẽ phải được thể hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.
- Phương án thiết kế đề xuất phải tuân thủ hướng dẫn tại Quyết định số 1725/QĐ-EVNNPT ngày 27/12/2024 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia về việc ban hành Quy định quản lý sửa chữa lớn tài sản cố định của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia và Các Quy định hiện hành.
- Phương án thực hiện phải tính toán đến việc sửa chữa hạn chế tối đa ảnh hưởng đến quá trình quản lý vận hành lưới điện, đảm bảo sự vận hành an toàn, ổn định, tin cậy cho lưới điện truyền tải.

2. Số lượng hồ sơ xuất bản:

- Hồ sơ giao nộp: hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử (bao gồm tất cả các file word, excel, PDF, dwg, ... tất cả các file tính toán, thiết kế của công trình) với khối lượng cụ thể như sau:

STT	Hồ sơ	Số lượng bản dự thảo (thời gian theo hợp đồng)	Số lượng bản hiệu chỉnh theo thông báo thẩm tra	Số lượng hồ sơ hiệu chỉnh theo QĐPD hoặc tài liệu sau cùng
1	Hồ sơ khảo sát	05 bộ bản giấy + file điện tử ký số	05 bộ bản giấy + file điện tử ký số	05 bộ bản giấy + file điện tử ký số
2	Hồ sơ phương án kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công – Dự toán	05 bộ bản giấy + file điện tử ký số	05 bộ bản giấy + file điện tử ký số	05 bộ bản giấy + file điện tử ký số

3. Tiến độ thực hiện và địa điểm giao tài liệu:

- Tiến độ thực hiện (tiến độ chung cho cả 2 hạng mục)

STT	Hồ sơ	Tiến độ
1	Hồ sơ khảo sát	7 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
2	Hồ sơ phương án kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công – Dự toán	20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc 13 ngày sau khi hồ sơ khảo sát được chấp thuận.

- Địa điểm: 12 Trần Hưng Đạo, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Trong thời gian thực hiện công việc Tư vấn, khi có văn bản yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn phải có báo cáo bằng văn bản cho Chủ đầu tư được biết về khối lượng, chất lượng, tiến độ thực hiện của các hạng mục;

- Có trách nhiệm bảo vệ và giải trình các tài liệu, hồ sơ do Nhà thầu tư vấn lập trong phạm vi của hợp đồng trước các cơ quan và hội đồng nghiệm thu của các cấp có thẩm quyền, các cơ quan kiểm toán, vv... theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Tạo điều kiện thuận lợi để Chủ đầu tư kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện hợp

đồng thông qua bộ phận phụ trách của Chủ đầu tư, thực hiện chức năng giám sát tác giả theo đúng quy định.

- Các nội dung công việc trong phạm vi công tác tư vấn chưa được thoả thuận trong văn bản này sẽ được 2 bên bàn bạc để giải quyết kịp thời đáp ứng nhu cầu công việc.

III. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Nhà thầu phải bố trí nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí đáp ứng yêu cầu quy định tại chương III.

IV. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Tổ chức bàn giao vị trí thực hiện công trình.
- Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn những tài liệu, văn bản có liên quan đến công trình.
- Giám sát, kiểm tra và đôn đốc Nhà thầu tư vấn thực hiện hợp đồng.
- Cùng Nhà thầu tư vấn giải quyết các vấn đề vướng mắc trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Tiếp nhận kết quả hồ sơ Nhà thầu bàn giao. Có ý kiến phản hồi để Nhà thầu thực hiện sửa đổi hồ sơ (nếu chưa phù hợp) phù hợp với quy định.
- Thanh toán cho Nhà thầu các khoản tiền theo quy định tại Hợp đồng này.
- Nghiệm thu thanh toán Hợp đồng cho Nhà thầu.

V. Trách nhiệm của nhà thầu:

- Trong thời gian thực hiện công việc Tư vấn, khi có văn bản yêu cầu của Bên mời thầu, Nhà thầu tư vấn phải có báo cáo bằng văn bản cho Bên mời thầu được biết về khối lượng, chất lượng, tiến độ thực hiện của các hạng mục công trình.
- Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;
- Có trách nhiệm bảo vệ và giải trình các tài liệu, hồ sơ do Nhà thầu tư vấn lập trong phạm vi của hợp đồng trước các cơ quan và hội đồng nghiệm thu của các cấp có thẩm quyền, các cơ quan kiểm toán, vv... theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
- Tạo điều kiện thuận lợi để Chủ đầu tư kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện hợp đồng thông qua bộ phận phụ trách của Chủ đầu tư, thực hiện chức năng giám sát tác giả theo đúng quy định;
- Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế và các hồ sơ sản phẩm tư vấn khác đáp ứng tiến độ theo kế hoạch và thông báo yêu cầu chỉnh sửa của Chủ đầu tư: Số lần phải chỉnh sửa, bổ sung không quá 2 lần cho một nội dung.
- Bồi thường thiệt hại khi thực hiện không đúng nhiệm vụ, sử dụng các thông tin, tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng không phù hợp và các hành vi vi phạm khác gây thiệt hại do lỗi của nhà thầu tư vấn gây ra;
- Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư, trước pháp luật về thực hiện đúng thủ tục đầu tư xây dựng cho các phần việc do tư vấn lập, về chất lượng sản phẩm tư vấn của mình trong hồ sơ tư vấn, chịu sự kiểm tra thường xuyên của chủ đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng;

- Nhà thầu khảo sát chịu trách nhiệm về chất lượng khảo sát xây dựng do mình thực hiện. Việc nghiệm thu và phê duyệt báo cáo kết quả khảo sát xây dựng của Đại diện Chủ đầu tư không thay thế và không làm giảm trách nhiệm về chất lượng khảo sát xây dựng do Nhà thầu khảo sát thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành, trừ các trường hợp mà các sai sót không phải do lỗi Nhà thầu hoặc do nguyên nhân khách quan hay bất khả kháng;

- Nhà thầu Tư vấn thiết kế xây dựng công trình chịu trách nhiệm về chất lượng xây dựng công trình do mình thực hiện. Việc thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế của cá nhân, tổ chức, chủ đầu tư, người ra quyết định thực hiện đầu tư hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của Nhà thầu thiết kế về chất lượng thiết kế xây dựng do mình thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành trừ các trường hợp mà các sai sót không phải do lỗi Nhà thầu hoặc do nguyên nhân khách quan hay bất khả kháng.

- Trách nhiệm khác theo quy định

PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

<p>1. Định nghĩa</p>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV;</p> <p>1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
<p>2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên</p>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn</p>

	<p>thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>d) E-ĐKC của hợp đồng;</p> <p>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;</p> <p>g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);</p> <p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
<p>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</p>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>	<p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại E-ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài</p>

	<p>liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>4.4. Nghĩa vụ của chủ đầu tư và nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của chủ đầu tư hoặc nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
<p>5. Bản quyền</p>	<p>5.1. Trừ trường hợp E-ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của chủ đầu tư.</p> <p>Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.</p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, nhà thầu phải được chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các</p>

	<p>chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư.</p>
6. Bảo hiểm	<p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p>
7. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: được quy định tại E-ĐKCT .
8. Giá hợp đồng	Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.
9. Thuế, phí	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
10. Tạm ứng và thanh toán	Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
12. Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-ĐKCT .
13. Sửa đổi hợp đồng	<p>13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại E-ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều</p>

	<p>chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư;</p> <p>d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của E-ĐKCT</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p>
<p>14. Nhân sự</p>	<p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh</p>

	do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.
15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu	<p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <p>a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn;</p> <p>b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng;</p> <p>c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả);</p> <p>d) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này.</p> <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <p>a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình;</p> <p>b) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;</p> <p>c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức (nếu có);</p> <p>d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;</p> <p>đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư;</p> <p>e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng;</p> <p>g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.</p>
16. Nhà thầu phụ	16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện

	<p>một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại E-ĐKCT.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại</p>	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>18. Tạm dừng hợp đồng</p>	<p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu</p> <p>a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p>

	<p>b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p> <p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.</p>
<p>19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu</p>	<p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-ĐKC, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
<p>20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư</p>	<p>Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>21. Trường hợp bất khả kháng</p>	<p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường</p>

trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:

(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc

(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.

21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do

	<p>bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.</p> <p>b) Đối với trường hợp chấm dứt này, chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng. - Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của chủ đầu tư khi đã được chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho chủ đầu tư sử dụng.
<p>22. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>22.1. Nhà thầu và chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong E-ĐKCT.</p>
<p>23. Thông báo</p>	<p>23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong E-ĐKCT.</p> <p>23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	<p>Tên Chủ đầu tư: Công ty Truyền tải điện 3 - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. Địa chỉ: Số 12 Trần Hưng Đạo, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Mã số thuế: 0102743068-004. Tài khoản: 119.0000.22307 Mở tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa Điện thoại: 0258 352 1188 Fax: 0258 352 1836</p>
E-ĐKC 1.3	<p>Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i></p>
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực tại khoảng cột 180-181, 188-189, Đường dây 220kV Quy Nhơn - Pleiku (mạch đơn): xã Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai - Khu vực tại khoảng cột 55/02-55/03, Nhánh rẽ đường dây 220kV Pleiku - KrôngBuk dự án TBA 500kV Pleiku 2 vào đường dây 220kV Pleiku - Krôngbuk (mạch kép) : xã Gào, tỉnh Gia Lai
E-ĐKC 1.11	<p>Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.</p>
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công khai thông tin về quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) khi đánh giá quá trình thực hiện hợp đồng: + Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17/4/2025 của EVN v/v ban hành Hướng dẫn về đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam. + Quyết định số 219/QĐ-HĐTV ngày 20/12/2022 của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc Gia v/v Quy định đánh giá chất lượng dịch vụ tư vấn trong EVNNPT. <p>Đề nghị các nhà thầu tìm hiểu thông tin về các Quy định của EVN/EVNNPT trong quá trình thực hiện hợp đồng.</p>

	- Các văn bản, tài liệu khác phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: <i>nội dung sẽ hoàn thiện trong giai đoạn đàm phán hoàn thiện hợp đồng.</i>
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: <i>nội dung sẽ hoàn thiện trong giai đoạn đàm phán hoàn thiện hợp đồng.</i>
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. - Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.
E-ĐKC 10	<p>10.1. Tạm ứng:</p> <p>Bên B được tạm ứng 20% giá trị hợp đồng trong vòng 14 ngày làm việc nếu bên B xuất trình đủ các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công văn đề nghị tạm ứng của nhà thầu - Bảo lãnh tiền tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Ngân hàng hoặc Tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. - Thời gian tạm ứng chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi thu hồi hoặc khấu trừ hết số tiền tạm ứng cộng thêm 30 ngày. <p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 23 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo</p>

	<p>lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>10.2. Thanh toán:</p> <p>Phương thức thanh toán: Chuyển khoản, bên B chịu phí chuyển tiền.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng tiền thanh toán: VND. - Số lần thanh toán: không quá 03 lần. + Thanh toán: 70% giá trị hợp đồng (hoặc 90% giá trị hợp đồng trong trường hợp nhà thầu không tạm ứng) khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nghiệm thu theo quy định. + Tiền giữ lại: Bên A sẽ giữ lại 10% giá trị hợp đồng. Khoản tiền này sẽ được thanh toán cho bên B khi công trình hoàn thành và nghiệm thu đưa vào sử dụng. - Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày (trừ trường hợp nhà thầu và chủ đầu tư có thỏa thuận khác) kể từ khi Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ, đủ chứng từ theo quy định: <ul style="list-style-type: none"> - Công văn đề nghị thanh toán của Bên B - Hồ sơ tài liệu trong quá trình thực hiện - Quyết định phê duyệt sản phẩm của cấp có thẩm quyền - Biên bản nghiệm thu sản phẩm tư vấn - Hồ sơ quyết toán giá trị thực hiện theo hợp đồng (quyết toán A-B) - Hóa đơn. <p><i>* Ngoài các yêu cầu trên, công tác thanh toán phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của EVNNPT theo từng thời kỳ.</i></p>
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: _____ [ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật].

E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư/đại diện Chủ đầu tư.
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng
E-ĐKC 17	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p>a) Do chậm tiến độ: Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu Bên B chậm tiến độ thực hiện hợp đồng thì Bên B bị phạt theo mức 1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng (được tính theo giá trị công việc chậm thực hiện). Tổng số tiền phạt không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Bên A có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Bên B. Khi đạt mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.</p> <p>b) Do chất lượng: Bên B phải thực hiện dịch vụ đảm bảo đúng các cam kết và đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công việc như quy định trong hợp đồng này. Nếu Bên B không đảm bảo được chất lượng dịch vụ theo các cam kết nêu trong hợp đồng này thì bị Bên A phạt. Nếu tổng số lần phải hiệu chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của đơn vị quản lý dự án, chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng, người có thẩm quyền vượt quá 2 lần thì hai bên sẽ xem xét, nếu không đảm bảo chất lượng và bị khấu trừ 1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi lần hiệu chỉnh, Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>Trong trường hợp Bên B tính toán không chính xác số lượng, khối lượng công việc, thông số kỹ thuật dẫn đến khối lượng xây lắp, vật tư, thiết bị phải thực hiện bổ sung, Bên B chịu mọi chi phí để thực hiện lại sản phẩm, đồng thời phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự thay đổi thiết kế cho Bên A và Bên thứ 3 (nếu có). Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.</p>

	<p>- Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa: Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) toàn bộ (100%) giá trị thiệt hại thực tế.</p> <p><i>[Nội dung thỏa thuận cụ thể trong giai đoạn đàm phán hoàn thiện hợp đồng, đảm bảo quy định EVN/EVNNPT]</i></p>
E-ĐKC 19.1	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt như nêu trong HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương; - Nếu trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ của Tư vấn khi thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Tư vấn vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó; - Nếu Tư vấn rơi vào tình trạng giải thể. - Nếu sự kiện bất khả kháng, sau 05 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Tư vấn không thể thực hiện được dịch vụ. - Trong trường hợp Chủ đầu tư có bằng chứng về bán thầu, thì hợp đồng sẽ được chấm dứt và mọi hậu quả do việc bán thầu gây nên, nhà thầu Tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. - Nếu nhà thầu đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.
E-ĐKC 20	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư:</p> <p>Quá 30 ngày kể từ ngày Nhà thầu đệ trình đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ theo quy định của hợp đồng và Nhà thầu đã có văn bản nhắc đề nghị thanh toán, nhưng Chủ đầu tư chưa thanh toán.</p> <p>Nếu Chủ đầu tư đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.</p>
E-ĐKC 22.2	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện nếu có sự bổ sung thay đổi nhiệm vụ, hai bên lập thành văn bản, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng là một phần không thể tách rời của hợp đồng này; - Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì cần giải quyết thì hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn

	<p>bản và chủ động thương lượng, hợp tác giải quyết;</p> <p>- Thời gian để tiến hành hòa giải: Trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng, nếu có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra, Bên A và Bên B sẽ cùng hợp tác giải quyết thông qua việc hòa giải giữa hai bên. Số ngày tiến hành hòa giải tối đa là 30 ngày.</p> <p>- Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì hai bên phải cùng bàn bạc giải quyết. Sau thời gian quy định trên nếu Bên A và Bên B không thể giải quyết được vấn đề tranh chấp thì hai bên chọn Tòa án cấp có thẩm quyền có địa điểm đặt tại địa bàn Bên A để được xét xử giải quyết. Phán quyết của Tòa án là tối thượng cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên có lỗi chịu mọi chi phí liên quan đến Tòa án.</p> <p>- Luật áp dụng: theo luật Việt Nam.</p>
E-ĐKC 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p>Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: Công ty Truyền tải điện 3 - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. Địa chỉ: Số 12 Trần Hưng Đạo, P. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>Điện thoại: 0258 3521188. Fax: 0258 3521836. E-mail: _____</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____</p>

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng loại hợp đồng DVTV cho phù hợp.

Trường hợp hợp đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.

Khi sử dụng cần chú ý không được thay đổi E-ĐKC, các điều khoản trong E-ĐKCT cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bằng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.

HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của chủ đầu tư; [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:***Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**Tên chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Tài khoản: _____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: ____; [chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: ____; [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu” kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
8. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____ [*Ghi rõ họ tên*] là cán bộ phụ trách của

Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Hợp đồng trọn gói ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*

Giá hợp đồng: _____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.*

Tổng số tiền thanh toán _____ *[Ghi giá trị và đồng tiền]*

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

2. Hợp đồng theo đơn giá cố định⁽³⁾

a) Giá hợp đồng *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

4. Hợp đồng theo thời gian⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải trả, chi tiết như sau:

- Thù lao cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu thù lao tính theo tháng người hoặc theo tuần, theo ngày, theo giờ (lựa chọn một trong ba nội dung và xóa nội dung còn lại) như đã thống nhất tại Phụ lục B.

- Chi phí khác cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các chi phí khác với mức trần là ____ [*Ghi giá trị và đồng tiền thanh toán*] cho các khoản chi thực tế hoặc khoán gọn⁽⁴⁾ dưới đây:

+ Chi phí công tác (bao gồm chi phí đi lại, phụ cấp công tác và lưu trú), tiền văn phòng phẩm và photô, in ấn tài liệu, chi phí liên lạc. Chi phí này sẽ được hoàn trả và cần được chủ đầu tư xác nhận;

+ Chi phí khác đã được chủ đầu tư phê duyệt.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [*Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền*] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [*Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền*] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [*Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền*] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [*Ghi giá trị và đồng tiền*]

[*Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C*].

5. Phương thức thanh toán: ____ [*Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 10.2 E-ĐKCT*].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [*Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT*].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [*Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ [*Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

CỦA NHÀ THẦU

[*xác nhận, chữ ký số*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN

[*xác nhận, chữ ký số*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Lựa chọn bảo đảm phù hợp với Mục 7 E-ĐKCT của hợp đồng

(4) Ghi rõ loại chi phí nào thanh toán theo thực tế phát sinh hoặc chi phí nào khoán gọn.

PHỤ LỤC

- Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu
- Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu
- Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

Mẫu số 17 (Webform trên Hệ thống)
THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất tên nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*ghi tên chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên nhà thầu*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh,

người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

PHỤ LỤC CÁC VÍ DỤ

Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật của gói thầu tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết Hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải thành phố X

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
1	Kinh nghiệm nhà thầu	15		10
1.1	Kinh nghiệm quốc tế về thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây	5		
1.1.1	Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước	2,5		
	>= 10 dự án (đạt 100% số điểm)		2,5	
	8-9 dự án (đạt 90% số điểm)		2,25	
	6-8 dự án (đạt 70% số điểm)		1,75	
	3-5 dự án (đạt 40% số điểm)		1	
	< 3 dự án (đạt 0 điểm)		0	
1.1.2	Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải	2,5		
	>= 10 dự án (đạt 100% số điểm)		2,5	
	8-9 dự án (đạt 90% số điểm)		2,25	
	6-8 dự án (đạt 70% số điểm)		1,75	
	3-5 dự án (đạt 40% số điểm)		1	
	< 3 dự án (đạt 0 điểm)		0	
1.2	Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây tại khu vực Đông Nam Á	5		
1.2.1	Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước	2,5		
	>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)		2,5	
	4-5 dự án (đạt 90% số điểm)		2,25	
	2-3 dự án (đạt 70% số điểm)		1,75	
	1 dự án (đạt 40% số điểm)		1	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
1.2.2	Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải	2,5		

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
	<i>>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		2,5	
	<i>4-5 dự án (đạt 90% số điểm)</i>		2,25	
	<i>2-3 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,75	
	<i>1 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		1	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
1.3	<i>Kinh nghiệm tư vấn các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây tại Việt Nam</i>	6		
1.3.1	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước</i>	3		
	<i>>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		3	
	<i>4-5 dự án (đạt 90% số điểm)</i>		2,7	
	<i>2-3 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		2,1	
	<i>1 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		1,2	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
1.3.2	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải</i>	3		
	<i>>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		3	
	<i>4-5 dự án (đạt 90% số điểm)</i>		2,7	
	<i>2-3 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		2,1	
	<i>1 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		1,2	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
2	<i>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu</i>	5		
	<i>Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. Tất cả hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 100% số điểm)</i>		5	
	<i>Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. 75% các hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 90% số điểm)</i>		4,5	

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
	<i>Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. 50% các hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 70% số điểm)</i>		3,5	
	<i>Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. 25% các hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 40% số điểm)</i>		2	
	<i>Không có hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 0 điểm) hoặc nhà thầu bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu</i>		0	
3	<i>Giải pháp và phương pháp luận</i>	30		20
3.1	<i>Am hiểu về mục tiêu và nhiệm vụ của dự án đã nêu trong điều khoản tham chiếu</i>	5		
3.1.1	<i>Am hiểu chung về phạm vi, quy mô của dự án nêu trong điều khoản tham chiếu</i>	2		
3.1.2	<i>Đề xuất về kỹ thuật có các nội dung mô tả về vị trí, tuyến, đặc điểm của các dự án hợp phần</i>	1,5		
3.1.3	<i>Khảo sát hiện trường dự án (đề xuất về kỹ thuật có các hình minh họa vị trí, tuyến của các dự án hợp phần)</i>	1,5		
3.2	<i>Cách tiếp cận và phương pháp luận</i>	5		
3.2.1	<i>Đề xuất về kỹ thuật bao gồm tất cả hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; đồng thời có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dự án.</i>	2		
3.2.2	<i>Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ</i>	1,5		
3.2.3	<i>Đề xuất trình bày rõ ràng làm thế nào để thực hiện tốt được công việc (đặc biệt là những công việc mang tính đặc thù của dự án)</i>	1,5		
3.3	<i>Sáng kiến cải tiến</i>	2		
3.3.1	<i>Đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án</i>	1		
3.3.2	<i>Cách tiếp cận và phương pháp luận của nhà thầu chuyên nghiệp và tiên tiến</i>	1		
3.4	<i>Cách trình bày đề xuất</i>	2		

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
3.4.1	Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi	1		
3.4.2	Đề xuất hoàn chỉnh và thuyết phục	1		
3.5	Kế hoạch triển khai	10		
3.5.1	Kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện dự án. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng	5		
3.5.2	Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến	2,5		
3.5.3	Các bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo	2,5		
3.6	Bố trí nhân sự hợp lý	6		
3.6.1	Nhân sự được bố trí theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu	3		
3.6.2	Thời điểm và thời gian huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai	3		
4	Nhân sự	50		40
4.1	Tư vấn trưởng	13		11
4.1.1	Trình độ chung	3		
a	Bằng cấp	1,5		
	Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm)		1,5	
	Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm)		1,05	
	Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm)		0	
b	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan	1,5		
	>= 15 năm (đạt 100% số điểm)		1,5	
	10 – <15 năm (đạt 70% số điểm)		1,05	
	5 - < 10 năm (đạt 40% số điểm)		0,6	
	< 5 năm (đạt 0 điểm)		0	
4.1.2	Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải có quy mô tương tự	6		
a	Kinh nghiệm thiết kế dự án cấp nước	2		
	>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)		2	

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,4	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,8	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
<i>b</i>	<i>Kinh nghiệm thiết kế dự án thoát nước và xử lý nước thải</i>	<i>2</i>		
	>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)		2	
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,4	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,8	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
<i>c</i>	<i>Kinh nghiệm ở vị trí tư vấn trưởng trong suốt quá trình làm việc</i>	<i>2</i>		
	>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)		2	
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,4	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,8	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
4.1.3	<i>Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á</i>	<i>1,5</i>		
	≥ 15 năm (đạt 100% số điểm)		1,5	
	10 - < 15 năm (đạt 80% số điểm)		1,2	
	5 - < 10 năm (đạt 50% số điểm)		0,75	
	1 - 5 năm (đạt 30% số điểm)		0,45	
	≤ 1 năm (đạt 0 điểm)		0	
4.1.4	<i>Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam</i>	<i>1,5</i>		
	≥ 5 năm (đạt 100% số điểm)		1,5	
	3 - 4 năm (đạt 70% số điểm)		1,05	
	1 - 2 năm (đạt 50% số điểm)		0,75	
	Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm)		0	
4.1.5	<i>Trình độ tiếng Anh</i>	<i>1</i>		

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
	<i>Tốt (đạt 100% số điểm)</i>		<i>1</i>	
	<i>Khá (đạt 70% số điểm)</i>		<i>0,7</i>	
	<i>Trung bình (đạt 40% số điểm)</i>		<i>0,4</i>	
	<i>Kém (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
4.2	<i>Tư vấn phó</i>	9		7
4.2.1	<i>Trình độ chung</i>	2		
a	<i>Bằng cấp</i>	1		
	<i>Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm)</i>		<i>1</i>	
	<i>Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm)</i>		<i>0,7</i>	
	<i>Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
b	<i>Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan</i>	1		
	<i>>= 15 năm (đạt 100% số điểm)</i>		<i>1</i>	
	<i>10 – <15 năm (đạt 70% số điểm)</i>		<i>0,7</i>	
	<i>5 – < 10 năm (đạt 40% số điểm)</i>		<i>0,4</i>	
	<i>< 5 năm (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
4.2.2	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải có quy mô tương tự</i>	4,5		
a	<i>Kinh nghiệm thiết kế dự án cấp nước</i>	1,5		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		<i>1,5</i>	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		<i>1,05</i>	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		<i>0,6</i>	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
b	<i>Kinh nghiệm thiết kế dự án thoát nước và xử lý nước thải</i>	1,5		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		<i>1,5</i>	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		<i>1,05</i>	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		<i>0,6</i>	

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
<i>c</i>	<i>Kinh nghiệm ở vị trí tư vấn phó (hoặc tư vấn trưởng) trong suốt quá trình làm việc</i>	<i>1,5</i>		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		<i>1,5</i>	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		<i>1,05</i>	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		<i>0,6</i>	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
<i>4.2.3</i>	<i>Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á</i>	<i>1</i>		
	<i>≥ 15 năm (đạt 100% số điểm)</i>		<i>1</i>	
	<i>10 - < 15 năm (đạt 80% số điểm)</i>		<i>0,8</i>	
	<i>5 - < 10 năm (đạt 50% số điểm)</i>		<i>0,5</i>	
	<i>1 - 5 năm (đạt 30% số điểm)</i>		<i>0,3</i>	
	<i>≤ 1 năm (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
<i>4.2.4</i>	<i>Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam</i>	<i>1</i>		
	<i>≥ 5 năm (đạt 100% số điểm)</i>		<i>1</i>	
	<i>3 - 4 năm (đạt 70% số điểm)</i>		<i>0,7</i>	
	<i>1 - 2 năm (đạt 50% số điểm)</i>		<i>0,5</i>	
	<i>Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
<i>4.2.5</i>	<i>Trình độ tiếng Anh</i>	<i>0,5</i>		
	<i>Tốt (đạt 100% số điểm)</i>		<i>0,5</i>	
	<i>Khá (đạt 70% số điểm)</i>		<i>0,35</i>	
	<i>Trung bình (đạt 40% số điểm)</i>		<i>0,2</i>	
	<i>Kém (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
<i>4.3</i>	<i>Chuyên gia, kỹ sư khác</i>	<i>28</i>		<i>22</i>
<i>4.3.1</i>	<i>Kỹ sư cấp nước</i>	<i>4</i>		
<i>4.3.2</i>	<i>Kỹ sư thoát nước</i>	<i>4</i>		

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
4.3.3	<i>Kỹ sư công nghệ xử lý</i>	4		
4.3.4	<i>Kỹ sư địa chất</i>	4		
4.3.5	<i>Kỹ sư xây dựng dân dụng</i>	4		
4.3.6	<i>Chuyên gia về môi trường</i>	4		
4.3.7	<i>Chuyên gia tái định cư và các vấn đề xã hội</i>	4		
	<i>Tiêu chuẩn đánh giá của các chuyên gia, kỹ sư khác</i>			
<i>a</i>	<i>Bằng cấp</i>	0,5		
	<i>Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm)</i>		0,5	
	<i>Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm)</i>		0,35	
	<i>Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>b</i>	<i>Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan</i>	1		
	<i>>= 7 năm (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>4 – <7 năm (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>2 – < 4 năm (đạt 50% số điểm)</i>		0,5	
	<i>< 2 năm (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>c</i>	<i>Kinh nghiệm thực hiện các dự án có tính chất tương tự</i>	1		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 50% số điểm)</i>		0,5	
	<i>0 dự án</i>		0	
<i>d</i>	<i>Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á</i>	0,5		
	<i>>= 5 năm (đạt 100% số điểm)</i>		0,5	
	<i>3 - < 5 năm (đạt 70% số điểm)</i>		0,35	
	<i>1 - < 3 năm (đạt 50% số điểm)</i>		0,25	
	<i>< 1 năm (đạt 0 điểm)</i>		0	

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
<i>đ</i>	<i>Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam</i>	<i>0,5</i>		
	<i>≥ 3 năm (đạt 100% số điểm)</i>		<i>0,5</i>	
	<i>1 - 2 năm (đạt 50% số điểm)</i>		<i>0,25</i>	
	<i>Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
<i>e</i>	<i>Trình độ tiếng Anh</i>	<i>0,5</i>		
	<i>Tốt (đạt 100% số điểm)</i>		<i>0,5</i>	
	<i>Khá (đạt 70% số điểm)</i>		<i>0,35</i>	
	<i>Trung bình (đạt 50% số điểm)</i>		<i>0,25</i>	
	<i>Kém (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
<i>Tổng</i>		<i>100</i>		<i>70</i>